



THANH TRA CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **870** /TTCP-C.IV

Hà Nội, ngày **31** tháng 3 năm 2026

V/v gửi Báo cáo kết quả đánh giá
công tác PCTN cấp tỉnh năm 2024

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng (PCTN) năm 2018, ngày 17/12/2024, Thanh tra Chính phủ đã ban hành Kế hoạch số 2613/KH-TTCP đánh giá công tác PCTN đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2024 và xây dựng, ban hành Bộ Chỉ số đánh giá, tài liệu hướng dẫn đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh năm 2024. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã tự tổ chức đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh năm 2024, gửi kết quả tự đánh giá về Thanh tra Chính phủ.

Thanh tra Chính phủ đã tổ chức rà soát kết quả tự đánh giá công tác PCTN năm 2024 và gửi đến các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để lấy ý kiến về kết quả rà soát; tổng hợp xây dựng Báo cáo kết quả đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh năm 2024, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

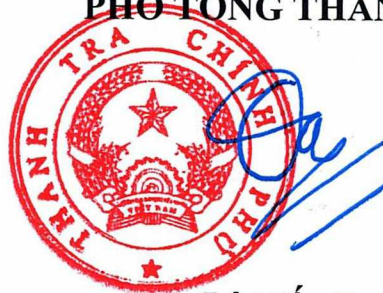
Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Nguyễn Hòa Bình (tại Văn bản số 2388/VPCP-V.I ngày 19/3/2026 của Văn phòng Chính phủ), Thanh tra Chính phủ gửi Báo cáo kết quả đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh năm 2024 đến UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để tham khảo, rút kinh nghiệm, có giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả công tác PCTN thời gian tới (có Báo cáo kết quả đánh giá gửi kèm theo).

Trân trọng./

Nơi nhận: *Như*

- Như trên;
- Phó TTgTT CP Nguyễn Hòa Bình (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Tổng Thanh tra CP (để b/c);
- Phó Tổng Thanh tra TT Nguyễn Quốc Đoàn;
- Phó Tổng TTCP Lê Tiến Đạt;
- Lưu: VT, C.IV (4b). **5**

KT. TỔNG THANH TRA
PHÓ TỔNG THANH TRA



Lê Tiến Đạt

THANH TRÀ CHÍNH PHỦ

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ
CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG
CẤP TỈNH NĂM 2024

(PACA INDEX 2024)

Hà Nội - Tháng 12/2025

MỤC LỤC

MỤC LỤC	2
PHẦN I	3
TỔNG QUAN VỀ ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PCTN CẤP TỈNH NĂM 2024	3
I. Tình hình chung	3
II. Tổ chức đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh năm 2024	5
1. Về phạm vi, thời kỳ đánh giá	6
2. Nội dung Bộ chỉ số đánh giá cấp tỉnh năm 2024	6
3. Phương thức đánh giá	9
PHẦN II	11
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PCTN CẤP TỈNH NĂM 2024	11
I. Đánh giá tổng quan	11
II. Đánh giá chi tiết các nội dung	14
1. Phần A – Đánh giá công tác lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTN; xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN	14
2. Phần B - Đánh giá việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng	18
3. Phần C - Đánh giá việc phát hiện và xử lý tham nhũng	33
4. Phần D - Đánh giá việc thu hồi tài sản tham nhũng	38
5. Phần Đ. Trừ điểm công tác PCTN năm 2024	39
PHẦN III	42
ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ KIẾN NGHỊ	42
I. Đánh giá chung	42
II. Một số tồn tại	42
III. Kiến nghị	43
1. Về công tác PCTN	43
2. Về việc tổ chức đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh năm 2024	44
PHỤ LỤC	49

PHẦN I

TỔNG QUAN VỀ ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PCTN CẤP TỈNH NĂM 2024

I. Tình hình chung

Năm 2024, tình hình thế giới tiếp tục chứng kiến những diễn biến nhanh chóng, phức tạp và khó lường, đặt ra nhiều thách thức đối với hòa bình, ổn định và phát triển toàn cầu. Các cuộc xung đột địa chính trị lớn, đặc biệt là cuộc xung đột kéo dài tại Ukraine và căng thẳng leo thang ở Dải Gaza, tiếp tục gây ra những hậu quả nghiêm trọng về an ninh, nhân đạo và kinh tế. Những điểm nóng này không chỉ làm gia tăng đối đầu giữa các cường quốc mà còn tác động tiêu cực đến chuỗi cung ứng toàn cầu, an ninh năng lượng và an ninh lương thực. Kinh tế thế giới trong năm 2024 phục hồi chậm hơn dự báo. Bên cạnh đó, sự cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng trở nên gay gắt, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ cao như bán dẫn và trí tuệ nhân tạo (AI), dẫn đến việc định hình lại các dòng chảy thương mại và đầu tư quốc tế.

Trong bối cảnh đầy thách thức của kinh tế và chính trị thế giới, Việt Nam nổi lên như một điểm sáng về ổn định và phát triển. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự điều hành quyết liệt, linh hoạt của Chính phủ và sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị, kinh tế - xã hội nước ta năm 2024 đã đạt được những thành tựu quan trọng và toàn diện trên hầu hết các lĩnh vực. Tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) cả năm 2024 đạt 7,09%, vượt mục tiêu Quốc hội đề ra (6-6,5%), thuộc nhóm các quốc gia có tốc độ tăng trưởng cao hàng đầu trong khu vực và trên thế giới. Kinh tế vĩ mô được duy trì ổn định, lạm phát được kiểm soát tốt ở mức 3,63%, thấp hơn mục tiêu đề ra, tạo nền tảng vững chắc cho các hoạt động sản xuất kinh doanh và cải thiện đời sống người dân. Các lĩnh vực văn hóa, xã hội được quan tâm sâu sắc, an sinh xã hội được bảo đảm, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng cao. Quốc phòng, an ninh được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm. Công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế tiếp tục được đẩy mạnh và đạt nhiều kết quả nổi bật, góp phần nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

Năm 2024 là năm có nhiều sự kiện đặc biệt, quan trọng, tác động sâu sắc tới mọi mặt cuộc sống. Việc kiện toàn các chức danh lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước, cùng với thông điệp của Tổng Bí thư Tô Lâm về kỷ nguyên mới – “Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc” và cuộc cách mạng về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, nhiều chủ trương mới mang tầm chiến lược, mang tính đột phá được triển khai, đất nước tiếp tục vững bước trên con đường phát triển, bước vào kỷ nguyên phát triển giàu mạnh, thịnh vượng, hùng cường hiện thực hóa các mục tiêu phát

triển tới năm 2030 kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng và năm 2045 kỷ niệm 100 năm thành lập nước. Vượt qua những ảnh hưởng từ những bất ổn của kinh tế thế giới và những thiệt hại nặng nề từ siêu bão Yagi, tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2024 đạt 7,09%, vượt mục tiêu Quốc hội đặt ra, nhiều chỉ tiêu kinh tế cũng khá tích cực với lạm phát được kiểm soát dưới 4%, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt kỷ lục với khoảng 800 tỷ USD và thu hút FDI vẫn duy trì được “sức nóng” cho dù dòng vốn đầu tư toàn cầu đang suy giảm. Dự kiến, quy mô GDP của Việt Nam sẽ tăng từ mức 450 tỷ USD năm 2024 lên 676 tỷ USD vào năm 2029 và tiếp tục lên mức 1.410 tỷ USD vào năm 2039, đứng thứ 25 trên thế giới¹. Cũng trong năm 2024, Quốc hội đã thông qua Luật Đất đai (sửa đổi) nhằm đáp ứng yêu cầu hoàn thiện đồng bộ chính sách, pháp luật về nguồn lực đất đai được quản lý, sử dụng hiệu quả, quyết định chủ trương đầu tư Dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam, với tổng mức đầu tư 67 tỷ USD - lớn nhất lịch sử và tái khởi động dự án Điện hạt nhân Ninh Thuận.

Năm 2024 công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tiếp tục được đẩy mạnh; việc đấu tranh phòng, chống lãng phí được xác định có vị trí tương đương với phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Cả hệ thống chính trị và toàn xã hội thống nhất đưa thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trở thành "tự giác", "tự nguyện", "com ăn nước uống, áo mặc hàng ngày".

Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực (PCTNLPTC) tiếp tục được Đảng, Nhà nước xác định là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, cấp bách và được lãnh đạo, chỉ đạo với quyết tâm chính trị rất cao, kiên trì, không ngừng, không nghỉ. Với tinh thần "không có vùng cấm, không có ngoại lệ", bất kể người đó là ai, xử 01 vụ cảnh tỉnh 01 vùng, nhiều vụ án tham nhũng, kinh tế lớn, đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp, kể cả các vụ việc tồn đọng từ nhiều năm trước đã được đưa ra xử lý nghiêm minh, tạo được sự đồng thuận cao trong xã hội và củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, sự điều hành của Chính phủ.

Công tác đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng (PCTN) cấp tỉnh (PACA index) trong những năm gần đây có sự chuyển biến lớn trong nhận thức và hành động, đạt được nhiều kết quả tích cực, nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã thực hiện tốt công tác phòng ngừa tham nhũng, chủ động, tích cực phát hiện và xử lý hành vi tham nhũng, có nhiều vụ án, vụ việc phức tạp được phát hiện và xử lý kịp thời..., chất lượng, kết quả đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh (PACA index) ngày càng được nâng cao, cùng với Chỉ số cải cách hành chính

¹ Theo thông tin từ Trung tâm Dự báo, phân tích kinh tế độc lập CEBR (Vương quốc Anh).

(PAR index), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (chỉ số PAPI) và Chỉ số sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (chỉ số SIPAS) không những thể hiện quyết tâm chính trị trong việc phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý tham nhũng mà còn đóng góp cho sự minh bạch, tăng sức hấp dẫn của môi trường đầu tư cho doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy mạnh mẽ phát triển kinh tế.

II. Tổ chức đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh năm 2024

Việc đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh năm 2024 được thực hiện trên cơ sở các quy định của pháp luật, bao gồm Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCTN, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 134/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021.

Khác với những năm trước, việc đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh năm 2024 được Thanh tra Chính phủ triển khai, thực hiện ngay trong Quý IV năm 2024, đã ban hành Kế hoạch số 2613/KH-TTTP ngày 17/12/2024 về việc đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng đối với tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (cấp tỉnh) năm 2024; Tổng Thanh tra Chính phủ đã ký Quyết định số 663/QĐ-TTTP ngày 25/12/2024 thành lập Tổ biên tập xây dựng Bộ chỉ số và tài liệu hướng dẫn đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng năm 2024 đối với cấp tỉnh. Căn cứ đề xuất của Tổ biên tập, ngày 13/02/2025, Tổng Thanh tra Chính phủ đã ký Quyết định số 29/QĐ-TTTP ban hành "Bộ chỉ số đánh giá và tài liệu hướng dẫn đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng cấp tỉnh năm 2024", trong đó có nghiên cứu, bổ sung, chỉnh sửa một số nội dung đánh giá, đặc biệt là bổ sung nội dung trừ điểm kết quả đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh trên cơ sở các nhóm tiêu chí đánh giá việc chậm nộp báo cáo tự đánh giá công tác PCTN, nhóm tiêu chí đánh giá Tổ chức đảng cấp tỉnh bị xử lý kỷ luật do tham nhũng, tiêu cực và nhóm tiêu chí đánh giá người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu bị xử lý do tham nhũng, tiêu cực.

Bên cạnh đó, nhằm góp phần nâng cao chất lượng đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh năm 2024, Thanh tra Chính phủ đã ban hành Kế hoạch số 286/KH-TTTP ngày 03/3/2025 và cử các Tổ công tác trực tiếp làm việc tại một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tập trung chủ yếu vào việc hướng dẫn, đôn đốc công tác tổ chức thực hiện và việc thu thập hồ sơ, tài liệu, số liệu minh chứng phục vụ việc đánh giá công tác PCTN theo Bộ chỉ số đánh giá năm 2024.

Đánh giá công tác PCTN năm 2024 cũng ghi nhận nỗ lực rất lớn của các địa phương, các Sở, ban, ngành, đặc biệt vai trò tham mưu, tổng hợp của Thanh tra cấp tỉnh trong việc thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin, tài liệu, xây dựng báo cáo tự đánh giá công tác PCTN của địa phương mình trong bối cảnh, thời điểm cả

nước quyết liệt thực hiện Nghị quyết, Kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, của đồng chí Tổng Bí thư về sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và sáp nhập các đơn vị hành chính cấp tỉnh.

1. Về phạm vi, thời kỳ đánh giá

Phạm vi về nội dung công tác PCTN cấp tỉnh năm 2024 được đánh giá bao gồm:

- Phần A. Đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTN; việc xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN.
- Phần B. Đánh giá việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng.
- Phần C. Đánh giá việc phát hiện và xử lý tham nhũng.
- Phần D. Đánh giá việc thu hồi tài sản tham nhũng.
- Phần Đ. Trừ điểm đánh giá công tác PCTN năm 2024

Thời kỳ đánh giá: từ 01/01/2024 đến 31/12/2024.

2. Nội dung Bộ chỉ số đánh giá cấp tỉnh năm 2024

Bộ Chỉ số đánh giá năm 2024 kế thừa cơ bản nội dung Bộ chỉ số đánh giá năm 2023, nhằm giữ ổn định về phương pháp đánh giá và có thể tổng hợp, so sánh điểm của các tiêu chí theo chuỗi thời gian từng năm. Bộ Chỉ số đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh năm 2024 với thang điểm 100 (Phần A: 20 điểm; Phần B: 30 điểm; Phần C: 40 điểm; Phần D: 10 điểm), kế thừa 39 tiêu chí của Bộ chỉ số năm 2023; bổ sung 04 tiêu chí và điều chỉnh 04 tiêu chí về cách tính điểm; bổ sung Phần Đ. Trừ điểm công tác PCTN năm 2024 (10 điểm) với 3 tiêu chí. Trong đó:

2.1. Phần A (20 điểm): Đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTN; việc xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN (Xây dựng theo quy định tại Điều 17 của Nghị định 59/2019/NĐ-CP). Trong đó:

Bổ sung thêm 01 tiêu chí đánh giá: A.1.1. Triển khai thực hiện các văn bản năm 2024 của các cơ quan ở TW về PCTN (với 05 tiêu chí thành phần đánh giá triển khai 05 văn bản quan trọng²). Bổ sung tiêu chí này nhằm đánh giá việc địa phương ban hành văn bản chỉ đạo triển khai các văn bản quan trọng của các cơ quan ở TW về PCTN năm 2024. 

² 05 văn bản quan trọng: (1) Văn bản số 1031/VPCP-V.I ngày 28/3/2024, Văn bản số 3978/VPCP-V.I ngày 02/10/2024 của Văn phòng Chính phủ về việc triển khai thực hiện Chương trình công tác năm 2024 của Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTNTC; (2) Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 11/10/2023 của Chính phủ về Chiến lược quốc gia PCTNTC đến năm 2030; (3) Quy định số 132-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực và PCTNTC trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; Quyết định số 714/QĐ-TTg ngày 26/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ. (4) Quy định số 131-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực và PCTNTC trong hoạt động kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán; Văn bản số 626/TTg-V.I ngày 16/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ; (5) Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, PCTNTC trong công tác xây dựng pháp luật; Văn bản số 5779/VPCP-PL ngày 14/8/2024 của Văn phòng Chính phủ.

2.2. Phần B (30 điểm):

Đánh giá việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng (Xây dựng theo quy định tại Điều 18 của Nghị định 59/2019/NĐ-CP). Giữ nguyên tổng điểm Phần B là 30 điểm như năm 2023, nhưng có điều chỉnh phương pháp tính điểm để dễ hiểu và thực hiện như sau:

2.2.1. Phần B.1. *Đánh giá việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng khu vực Nhà nước:*

- *Điều chỉnh phương pháp tính điểm Đánh giá việc thực hiện giải pháp công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị:* Theo quy định của Điều 10 Luật PCTN 2018 thì tất cả các lĩnh vực đều phải thực hiện công khai, minh bạch. Tuy nhiên, để chấm điểm công khai, minh bạch của tất cả các lĩnh vực sẽ là thách thức trong thực hiện đánh giá. Do đó, năm 2024, lựa chọn 06 lĩnh vực cụ thể để đánh giá: (1) Công khai, minh bạch thủ tục hành chính; (2) Công khai, minh bạch quy tắc ứng xử của người có chức vụ quyền hạn; (3). Công khai, minh bạch tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức; (4). Công khai, minh bạch về ngân sách Nhà nước; (5). Công khai, minh bạch về tài sản công; (6) Công khai, minh bạch về quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất.

- *Điều chỉnh đánh giá thực hiện chuyển đổi số:* Do điểm đánh giá thực hiện chuyển đổi số Bộ Thông tin và Truyền thông công bố chậm hơn thời gian đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh, nên năm 2023 không kế thừa được kết quả đánh giá chuyển đổi số do Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện. Do đó, điều chỉnh phương pháp tính điểm nội dung này để chủ động hơn trong việc đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh năm 2024.

- *Điều chỉnh đánh giá thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn (ĐM, CD, TC) và kiểm soát xung đột lợi ích (XDLI):* Hướng dẫn rõ hơn về nội dung đánh giá để cấp tỉnh dễ hiểu và thực hiện.

2.2.2. Phần B.2. *Đánh giá việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng khu vực ngoài Nhà nước:*

PCTN khu vực ngoài Nhà nước, trong thời gian qua tại các địa phương chưa thực sự triển khai bài bản, còn có một số địa phương kiến nghị điều chỉnh. Tuy nhiên, PCTN khu vực ngoài Nhà nước là một trong những nội dung quan trọng của Luật PCTN năm 2018 (dành 01 chương để quy định). Thời gian vừa qua, tham nhũng khu vực ngoài Nhà nước ngày càng gia tăng (nhiều vụ án đang được điều tra, truy tố, xét xử). Do đó, Bộ chỉ số năm 2024 giữ 02 tiêu chí, trong đó điều chỉnh Tiêu chí B.2.2 Thành “Kết quả thực hiện pháp luật PCTN của doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước” để dễ hiểu và thực hiện, nhằm tác động vào ý thức của các cấp đối với khu vực này.

2.3. Phần C (40 điểm).

Đánh giá việc phát hiện và xử lý tham nhũng: (Được xây dựng theo quy định tại Điều 19 của Nghị định 59/2019/NĐ-CP). Giữ nguyên Phần C 40 điểm như năm 2023.

2.4. Phần D (10 điểm).

Đánh giá việc thu hồi tài sản tham nhũng: (Được xây dựng theo quy định tại Điều 20 của Nghị định 59/2019/NĐ-CP). Giữ nguyên tổng điểm Phần D là 10 điểm như năm 2023.

2.5. Phần Đ. Trừ điểm công tác PCTN năm 2024

Xuất phát từ thực trạng các năm vừa qua một số tỉnh chậm nộp báo cáo tự đánh giá công tác PCTN hoặc nộp báo cáo nhưng chậm cung cấp hồ sơ, tài liệu minh chứng kèm theo, làm ảnh hưởng đến tiến độ rà soát, đánh giá công tác PCTN chung của cả nước; một số tỉnh tổ chức các giải pháp phòng ngừa tham nhũng trong nội bộ đạt kết quả tốt, nhưng Tổ chức cấp tỉnh (Ban Thường vụ tỉnh ủy, Ban cán sự đảng UBND tỉnh) và người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cấp tỉnh (Bí thư, Phó bí thư; Chủ tịch, Phó chủ tịch) lại thiếu gương mẫu, suy thoái về đạo đức, tư tưởng chính trị, bị phát hiện và xử lý do tham nhũng, tiêu cực, làm giảm sút uy tín, sự nêu gương của lãnh đạo chủ chốt cấp tỉnh. Do đó, Bộ Chỉ số đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh năm 2024 trừ điểm ở một số nội dung. Cụ thể như sau:

- Trừ điểm do chậm nộp báo cáo tự đánh giá công tác PCTN:
 - + Chậm nộp báo cáo tự đánh giá công tác PCTN và tài liệu minh chứng: - 2,0 điểm
 - + Chậm nộp tài liệu minh chứng kèm theo báo cáo tự đánh giá công tác PCTN: - 1,0 điểm
- Trừ điểm khi năm 2024 Tổ chức đảng cấp tỉnh (Ban Thường vụ tỉnh ủy, Ban cán sự đảng UBND tỉnh) bị xử lý kỷ luật do tham nhũng, tiêu cực:
 - + Mức cảnh cáo: - 4,0 điểm
 - + Mức khiển trách: - 3,0 điểm
- Trừ điểm khi năm 2024 người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cấp tỉnh (Bí thư, Phó bí thư; Chủ tịch, Phó chủ tịch) bị xử lý do tham nhũng, tiêu cực hoặc để xảy ra tham nhũng, tiêu cực:
 - + Mức 1: Có trường hợp bị xử lý hình sự hoặc khai trừ: - 4,0 điểm
 - + Mức 2: Có trường hợp bị xử lý cách chức: -3,0 điểm
 - + Mức 3: Có trường hợp bị xử lý cảnh cáo: -2,0 điểm



+ Mức 4: Có trường hợp bị xử lý khiển trách: -1,0 điểm

(Bộ Chỉ số đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh năm 2024, được Tổng Thanh tra Chính phủ ký Quyết định số 29/QĐ-TTCP ngày 13 tháng 02 năm 2025 ban hành tại Phần Phụ lục kèm theo)

3. Phương thức đánh giá

- *Tự đánh giá:*

Căn cứ Kế hoạch số 2613/KH-TTCP ngày 17/12/2024 của Thanh tra Chính phủ về việc đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng đối với tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (cấp tỉnh) năm 2024; các địa phương đã ban hành kế hoạch, thành lập Tổ đánh giá công tác PCTN của địa phương mình.

Tổ đánh giá công tác PCTN của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiến hành thu thập số liệu, tài liệu minh chứng căn cứ theo tài liệu hướng dẫn và Bộ Chỉ số đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh năm 2024, được Tổng Thanh tra Chính phủ ký Quyết định số 29/QĐ-TTCP ngày 13/02/2025 ban hành, để tự đánh giá công tác PCTN của địa phương.

Kết thúc tự đánh giá, các địa phương gửi kết quả tự đánh giá và tài liệu minh chứng về Thanh tra Chính phủ để rà soát, đánh giá báo cáo tự đánh giá của các địa phương theo quy định. Tuy nhiên, đến ngày 31/5/2024 (thời hạn cuối cùng nộp báo cáo tự đánh giá), vẫn còn một số địa phương chậm gửi báo cáo tự đánh giá công tác PCTN của địa phương mình về Thanh tra Chính phủ hoặc gửi báo cáo tự đánh giá nhưng thiếu tài liệu, số liệu minh chứng kèm theo phục vụ công tác rà soát, đánh giá, làm chậm tiến độ đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh năm 2024 của cả nước.

- *Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh năm 2024:* Thanh tra Chính phủ ban hành Kế hoạch số 286/KH-TTCP ngày 03/3/2025, cử 03 Tổ công tác trực tiếp làm việc tại 9 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tập trung vào việc hướng dẫn, đôn đốc công tác tổ chức thực hiện và việc thu thập hồ sơ, tài liệu, số liệu minh chứng phục vụ việc đánh giá công tác PCTN theo Bộ chỉ số đánh giá năm 2024. Qua đó, các thành viên Tổ công tác đã trực tiếp nắm bắt được một số khó khăn, tiếp thu những kiến nghị, đề xuất để tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện công tác đánh giá PCTN cấp tỉnh các năm tới, đảm bảo hiệu quả hơn, bám sát thực tế hơn.

- *Rà soát, đánh giá kết quả tự đánh giá của các địa phương:*

Trên cơ sở báo cáo tự đánh giá công tác PCTN và tài liệu minh chứng của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi đến; căn cứ Bộ Chỉ số đánh giá

công tác PCTN cấp tỉnh năm 2024, được Tổng Thanh tra Chính phủ ký Quyết định số 29/QĐ-TTCP ngày 13/02/2025 ban hành, Thanh tra Chính phủ đã tổ chức rà soát, đánh giá kết quả tự đánh giá của các địa phương; lấy ý kiến tham gia của UBND các tỉnh, thành phố; tổng hợp, xây dựng Báo cáo kết quả đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh năm 2024, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét cho ý kiến chỉ đạo.

PHẦN II

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PCTN CẤP TỈNH NĂM 2024

I. Đánh giá tổng quan

Kết quả đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh năm 2024 cho thấy những nỗ lực không ngừng và sự chuyển biến tích cực, mạnh mẽ trên phạm vi cả nước. Công tác PCTNLPTC tiếp tục được khẳng định là một trong những nhiệm vụ chính trị hàng đầu, nhận được sự quan tâm sâu sắc và chỉ đạo quyết liệt từ Trung ương đến địa phương.

Điểm đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh năm 2024 bình quân năm 2024 đạt 71,72 điểm, tăng hơn 2.00 điểm so với năm 2023 (69,72 điểm). Đây là mức điểm cao nhất kể từ khi công tác đánh giá được triển khai thường niên, thí điểm từ năm 2016. Sự tăng điểm bình quân cả nước đã phản ánh quyết tâm của cả hệ thống chính trị đối với công tác phòng, chống tham nhũng, thể hiện sự nỗ lực cao, liên tục của từng địa phương trong việc tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, phát hiện và xử lý tham nhũng, đồng thời phản ánh hiệu quả rõ nét từ hoạt động của Ban Chỉ đạo PCTNTC cấp tỉnh, hiện thực hóa triệt để chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước trong công tác PCTN.

Sau khi Thanh tra Chính phủ hoàn thành rà soát điểm tự đánh giá công tác PCTN năm 2024 toàn quốc, kết quả cho thấy có tới 39 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, chiếm 62% toàn quốc, đạt mức từ 70 điểm sau rà soát trở lên³, nhiều hơn 9 địa phương so với năm 2023 (30 địa phương) và hơn 24 địa phương so với năm 2022 (15 địa phương), trong đó một số địa phương tiếp tục duy trì điểm đánh giá công tác PCTN sau rà soát ở mức cao, gồm: Hưng Yên, TP.Hồ Chí Minh, Nghệ An, TP.Cần Thơ, TP.Hà Nội, Cà Mau, Tiền Giang, Sóc Trăng, Khánh Hòa, Quảng Ninh, Thái Nguyên, TP Hải Phòng, Bắc Ninh, Bến Tre, Hà Tĩnh...Chênh lệch điểm giữa địa phương cao nhất (tỉnh Hưng Yên - 83,74 điểm) và thấp nhất (tỉnh Bắc Giang - đạt 54,30 điểm) của năm 2024 là 29,44 điểm, khoảng cách chênh lệch này nhiều hơn 1,87 điểm so với năm 2023 (chênh lệch 27,57 điểm), cho thấy đây không phải là tín hiệu tích cực vì khoảng cách chênh lệch điểm sau rà soát ngày

³ Gồm: Hưng Yên, TP.Hồ Chí Minh, Nghệ An, TP.Cần Thơ, TP.Hà Nội, Cà Mau, Tiền Giang, Sóc Trăng, Khánh Hòa, Quảng Ninh, Thái Nguyên, Hải Phòng, Bến Tre, Hà Tĩnh, Thái Bình, Đắk Nông, Thanh Hóa, Quảng Nam, Đồng Nai, Nam Định, Hải Dương, Vĩnh Long, Quảng Ngãi, Hòa Bình, Ninh Thuận, Kiên Giang, Trà Vinh, Hậu Giang, Lai Châu, Đắk Lắk, Bắc Kạn, Thành phố Huế, Quảng Bình, Bắc Ninh, Sơn La, Phú Yên, Long An, Lạng Sơn, Đồng Tháp.

càng xa phản ánh nỗ lực của một số địa phương trong công tác PCTN chưa thực sự tiến bộ hơn.

Bảng điểm tổng quan PACA các năm 2019-2024

Năm	2019	2020	2021	2022	2023	2024
Điểm trung bình cả nước	61.78	63.86	62.12	66.06	69.72	71.88
Điểm cao nhất	77.4	76.18	75.97	77.95	80.06	83.74
Điểm thấp nhất	41.81	42.03	49.93	50.02	59.35	54.30

Một số địa phương vẫn tiếp tục duy trì kết quả đánh giá công tác PCTN cao nhất cả nước như Hưng Yên, TP. Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Tiền Giang, Sóc Trăng, Quảng Ninh, Thái Nguyên... Cà Mau là địa phương có sự cải thiện đáng kể, từ nhóm có điểm số thấp trong các năm trước đã vươn lên nhóm 10 tỉnh đạt điểm cao nhất. Bên cạnh đó, còn có một số địa phương có kết quả đánh giá công tác PCTN chưa cải thiện, vẫn nằm trong nhóm có thứ hạng thấp. Đặc biệt, việc áp dụng điểm trừ đã tác động mạnh đến thứ hạng của một số tỉnh: Lâm Đồng bị trừ 10 điểm và An Giang bị trừ 8 điểm là những ví dụ điển hình, dẫn đến điểm sau rà soát của các tỉnh này nằm trong nhóm cuối.

Qua nhiều năm đánh giá, vẫn còn thực trạng đa số các địa phương đạt kết quả cao trong giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng và hoàn thiện chính sách (Phần A) và thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng (Phần B) nhưng đạt kết quả thấp trong việc phát hiện, xử lý hành vi tham nhũng và thu hồi tài sản tham nhũng. Tiêu biểu như trong nhóm 10 địa phương đạt kết quả sau rà soát thấp nhất, Gia Lai (xếp thứ 55/63 sau rà soát), Tây Ninh (xếp thứ 60/63 sau rà soát) và Bắc Giang (xếp thứ 63/63 sau rà soát) đạt điểm rất cao trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và trong thực hiện các biện pháp phòng ngừa, nhưng lại có điểm số thấp về phát hiện và xử lý tham nhũng và thu hồi tài sản tham nhũng. Điều này cho thấy việc lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành văn bản và việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa dễ đạt kết quả khả quan hơn so với phát hiện, xử lý và thu hồi tài sản tham nhũng trên thực tế và đòi hỏi nỗ lực hơn nữa của các địa phương trong thời gian tới.

Phần A (Công tác lãnh đạo, chỉ đạo; xây dựng, hoàn thiện pháp luật về PCTN): Tương tự nhiều năm đánh giá trước đây, công tác lãnh đạo, chỉ đạo; xây dựng hoàn thiện pháp luật về PCTN luôn đạt kết quả cao, điểm trung bình của 63

tính đạt 18,76 điểm trên thang điểm 20, đáp ứng 93,80% yêu cầu đặt ra, cao hơn so với năm 2023 (đạt trung bình 18,40 điểm).

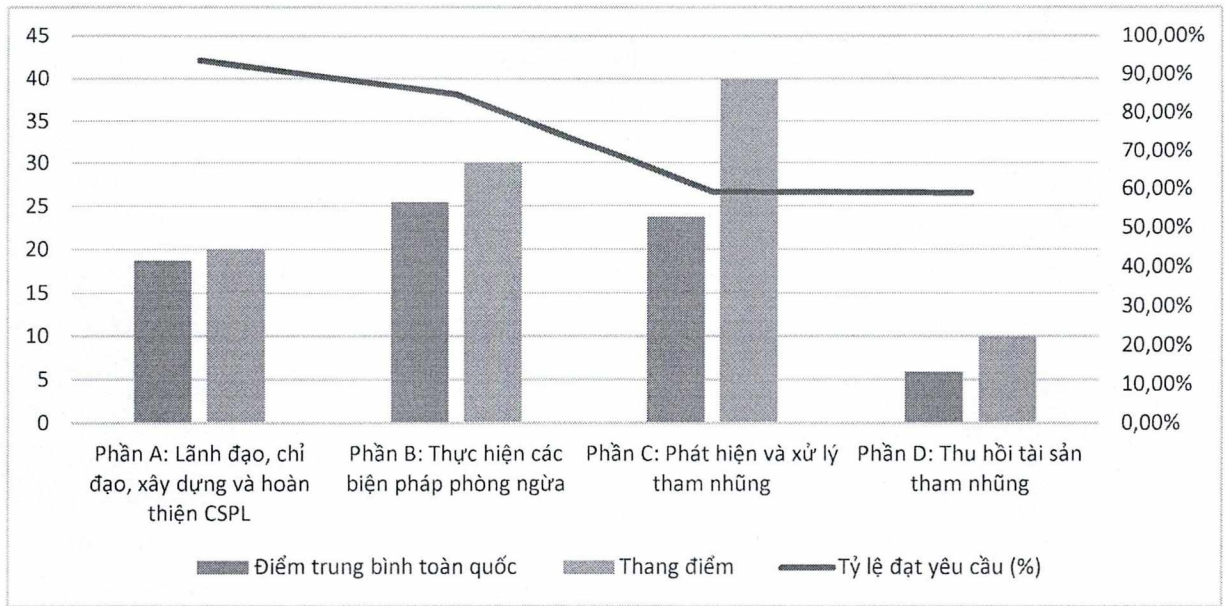
Phần B (Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng): Điểm trung bình của 63 tỉnh năm 2024 là 25,78 điểm trên thang điểm 30, tương đương đáp ứng 85,93% yêu cầu, tăng 2,61 điểm, tương đương 8,69% so với năm 2023 (đạt trung bình là 23,17 điểm, đạt 77,23 % so với yêu cầu).

Phần C (Kết quả phát hiện và xử lý tham nhũng): Điểm trung bình nội dung phát hiện và xử lý tham nhũng năm 2024 đạt 23,69/40 điểm, đạt 59,23% so với yêu cầu. Điểm đánh giá công tác phát hiện và xử lý tham nhũng tuy đã tăng dần lên theo các năm, tăng hơn so với năm 2023 (đạt trung bình 22,63 điểm), song hiệu quả chưa cao.

Phần D (Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng): Điểm đánh giá Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng năm 2024 đạt trung bình 5,62/10 điểm, tương đương 56.19% yêu cầu; có tiến triển hơn so với năm 2023 (trung bình 5,57/10 điểm, tương đương 55,75% yêu cầu), nhưng vẫn ở mức trung bình, thu hồi tài sản tham nhũng đạt hiệu quả chưa như mong đợi.

Phần Đ (Trừ điểm công tác PCTN năm 2024): Bám sát tinh thần chỉ đạo của Đảng, Bộ Chính trị, Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTNLPTC, từ năm 2024 trở đi, Bộ chỉ số đánh giá công tác PCTN bổ sung nội dung việc trừ điểm trong công tác PCTN, cụ thể ở 3 nhóm tiêu chí: (1) đánh giá việc UBND cấp tỉnh nộp báo cáo tự đánh giá và tài liệu minh chứng kèm theo, (2) đánh giá sự gương mẫu, nêu gương của cá nhân người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu (bao gồm Bí thư, Phó Bí thư tỉnh ủy, thành ủy, Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND cấp tỉnh) và (3) đánh giá theo từng mức độ kỷ luật của tổ chức đảng cấp tỉnh. Năm 2024, có 26 tỉnh bị trừ từ 01 đến 10 điểm công tác PCTN (chiếm hơn 41% địa phương trong toàn quốc). Các địa phương bị trừ điểm nhiều nhất do các vi phạm nghiêm trọng trong công tác PCTN, đặc biệt là các vi phạm liên quan đến trách nhiệm của người đứng đầu (như tỉnh Lâm Đồng, với mức trừ điểm tối đa -10 điểm), cũng là một trong những địa phương có điểm số thấp nhất toàn quốc (xếp thứ 62/63). Điều này phản ánh rõ mối liên hệ giữa sự liêm chính của cá nhân người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu và hiệu quả của công tác PCTN trên thực tế. Những sai phạm của cá nhân, tổ chức dẫn đến sự suy yếu, mất niềm tin của nhân dân, giảm sút uy tín của cá nhân, tổ chức trong việc chỉ đạo, lãnh đạo và tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng tại địa phương.

Biểu đồ 1: Biểu đồ điểm đánh giá sau rà soát PACA 2024 theo các phần (Biểu đồ thể hiện tỷ lệ % đạt yêu cầu của từng phần so với thang điểm chuẩn)



Điểm đánh giá, rà soát PACA 2024

TT		Kết quả đánh giá, rà soát PACA 2024					
		Điểm trung bình toàn quốc sau rà soát	Phần A. Xây dựng và hoàn thiện CS,PL	Phần B. Đánh giá các biện pháp phòng ngừa	Phần C. Đánh giá việc phát hiện và xử lý TN	Phần D. Đánh giá việc thu hồi tài sản TN	Phần Đ. Trừ điểm công tác PCTN
1	Thang điểm chuẩn	100	20	30	40	10	-10
2	Điểm trung bình cả nước	71.88	18.76	25.78	23.69	5.62	
3	Đạt yêu cầu	71.88 %	93.80%	85.93%	59.23%	56.19%	

II. Đánh giá chi tiết các nội dung

1. Phần A – Đánh giá công tác lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTN; xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN

Qua kết quả đánh giá năm 2024 cho thấy, công tác lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN tiếp tục được Ủy ban nhân dân của 63 tỉnh, thành phố trên cả nước quan tâm, tập trung chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện. Nội dung này tiếp tục đạt điểm cao nhất trong các mặt của công tác PCTN. Điểm trung bình của nội dung lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN tiếp tục duy trì ở mức cao, được 18,76/20 điểm

(đạt 93,80% so với yêu cầu), trong đó có 09 địa phương đạt điểm tuyệt đối ở nội dung này⁴. Độ lệch chuẩn chỉ là 1,23 điểm, cho thấy các kết quả của tỉnh, thành phố không chênh lệch quá nhiều ở nội dung này, tập trung ở mức từ 18,05 ÷ 19,89 điểm, qua thống kê cho thấy có tới 50 tỉnh, thành phố có mức điểm từ 18,05 điểm trở lên. Một số tỉnh, thành phố năm 2023 đạt điểm tối đa, đến năm 2024 vẫn duy trì được⁵, cho thấy sự quan tâm của lãnh đạo các địa phương này đến công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện.

1.1. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTNLPTC

Năm 2024, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương thực hiện các nhiệm vụ về công tác PCTNLPTC, đảm bảo tiến độ, chất lượng, theo Chương trình công tác năm 2024 của Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTNLPTC (Ban Chỉ đạo) và Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Trưởng Ban Chỉ đạo tại các Phiên họp và Cuộc họp Thường trực Ban Chỉ đạo. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTNLPTC qua đó tiếp tục được Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các tỉnh quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện thống nhất, đồng bộ, nghiêm túc và có hiệu quả.

Tiêu chí	A.1. Đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTN	A.1.1. Triển khai TH các văn bản năm 2024 của các cơ quan ở TW về PCTN	A.1.2. Ban hành kế hoạch PCTN năm 2024	A.1.3. Nội dung kế hoạch PCTN năm 2024	A.1.3.1. Về TH các chỉ thị, NQ của TW về PCTN	A.1.3.2. Kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VB QPPL về PCTN	A.1.3.3. Xây dựng và hoàn thiện chính sách, PL về PCTN	A.1.3.4. Tuyên truyền, phổ biến giáo dục PL về PCTN	A.1.3.5. Kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản QPPL về PCTN	A.1.3.6. Kiểm tra, đánh giá việc TH kế hoạch PCTN năm 2024
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
Thang điểm	5,00	1,00	1,00	3,00	0,50	0,50	0,50	0,50	0,50	0,50
Điểm TB sau rà soát	4,94	0,99	1,00	2,95	0,50	0,50	0,50	0,50	0,48	0,48
Mức độ đáp ứng yêu cầu	98,89%	99,21%	100%	98,41%	100%	100%	100%	100%	95,23%	95,23%

(Biểu tổng hợp kết quả đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTN)

Kết quả đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh năm 2024 cho thấy, có tới 57/63 tỉnh, thành phố đạt điểm tuyệt đối trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTN,

⁴ Bao gồm các tỉnh: Đắk Lắk, Bắc Ninh, Đà Nẵng, Hải Phòng, Nam Định, Ninh Thuận, Sóc Trăng, Thái Bình, Tiền Giang

⁵ Bao gồm các tỉnh: Sóc Trăng, Đà Nẵng, Ninh Thuận

điểm trung bình của các địa phương đạt tới 4,94/5 điểm (tương ứng mức đạt 98,88% so với yêu cầu, tăng 0,53 điểm % so với năm 2023⁶). Mức độ đáp ứng yêu cầu ở các nội dung này đều đạt từ 95,23% trở lên, trong đó các tiêu chí (4), (6), (7), (8), (9) của các địa phương đều đạt 100%. Nội dung của Kế hoạch PCTN tương đối bám sát các hướng dẫn, chỉ đạo của cơ quan ở Trung ương, đạt 98,41%. Việc kiểm tra, theo dõi thi hành văn bản QPPL về PCTN và kiểm tra, đánh giá thực hiện kế hoạch PCTN đều đạt 95,25%. Việc triển khai các văn bản của các cơ quan ở Trung ương ở mức cao, trung bình đạt từ 99,20%, cho thấy các tỉnh, thành phố không chỉ quan tâm, chỉ đạo ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ, mà còn cụ thể hóa thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp PCTNTC theo chỉ đạo của Ban chỉ đạo Trung ương, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban chỉ đạo cấp tỉnh. Nội dung kế hoạch công tác PCTN đã xác định rõ vai trò, trách nhiệm của chính quyền các cấp, nhất là của người đứng đầu cơ quan, đơn vị; phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị và Nhân dân trong đấu tranh với tham nhũng, tiêu cực. Việc đánh giá kết quả công tác PCTN đã trở thành nhiệm vụ chính trị quan trọng của các tỉnh, thành phố, trong đó kết quả lãnh đạo, thực hiện công tác PCTN là một trong những tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị nhất là người đứng đầu.

1.2. Việc thực hiện kế hoạch PCTN của các sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh

Tiêu chí	A.2. Đánh giá việc các sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh thực hiện kế hoạch PCTN của cấp tỉnh	A.2.1. Thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL về PCTN	A.2.2. Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục PL về PCTN	A.2.3. Thực hiện việc kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản QPPL về PCTN	Tiếp công dân theo quy định của Luật Tiếp công dân			A.2.7. Việc chỉ đạo của Chủ tịch UBND cấp tỉnh xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng
					A.2.4. Của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	A.2.5. Của Chủ tịch UBND cấp huyện	A.2.6. Của Người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp Tỉnh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Thang điểm	15,00	4,00	4,00	1,00	2,00	1,50	1,50	1,00
Điểm TB sau rà soát	13,82	3,90	3,92	0,98	1,72	1,20	1,33	0,76
Mức độ đáp ứng yêu cầu	92,11%	97,50%	98,08%	98,44%	85,81%	80,12%	88,58%	76,19%

(Biểu tổng hợp kết quả hiện kế hoạch PCTN của các sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh)

⁶ Năm 2023, tiêu chí này đạt 98.25% yêu cầu.

Căn cứ các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về công tác PTCNTC, các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị đã kịp thời xây dựng và tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả kế hoạch PCTN tại cơ quan, đơn vị. Qua kết quả đánh giá cho thấy, trung bình có 97,50% các sở, ngành, đơn vị, quận, huyện, thành phố trực thuộc tỉnh đã thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL về PCTN và 98,08% đã thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về PCTN (bao gồm việc ban hành kế hoạch và kết quả việc thực hiện kế hoạch này)⁷.

Trong công tác tổ chức thực hiện, UBND các tỉnh, thành phố đã tập trung chỉ đạo rà soát, xây dựng và từng bước hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội; ban hành các văn bản mới hoặc bổ sung, sửa đổi, bãi bỏ nhiều văn bản nhằm cụ thể hóa, hướng dẫn thực hiện chính sách, pháp luật về PTCNTC⁸. Qua đánh giá, trung bình tại mỗi tỉnh, thành phố có trên 97% các sở, ngành, đơn vị và địa phương có báo cáo kết quả của công tác này. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đạt kết quả trung bình cũng đạt trên 97% các sở, ban, quận, huyện có báo cáo kết quả thực hiện, qua đó cho thấy công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về PCTN đã được các sở, ban, quận, huyện quan tâm triển khai với nhiều hình thức khác nhau.

Trong công tác kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN, kết quả trung bình đạt 98,44% cho thấy việc các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh và UBND cấp huyện đã tích cực tham mưu và triển khai nghiêm túc công tác theo dõi thi hành pháp luật, trong đó xác định cụ thể lĩnh vực trọng tâm theo từng ngành, lĩnh vực công tác và việc thực hiện các quy định của pháp luật về PTCNTC. Các tỉnh, thành phố thông qua công tác kiểm tra đã kịp thời phát hiện những tồn tại, hạn chế để chấn chỉnh, khắc phục; đồng thời phát hiện các bất cập, vướng mắc trong thi hành pháp luật và văn bản hướng dẫn thi hành để từ đó kiến nghị cơ quan có thẩm quyền tiếp tục, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả thi hành pháp luật về PCTN.

1.3. Việc tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện và Người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh

Theo Báo cáo của Thanh tra Chính phủ⁹, trong năm 2024, có 337.635 lượt người đến cơ quan hành chính nhà nước khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh

⁷ Qua thống kê cho thấy có tới 53/63 địa phương có 100% các sở, ngành, đơn vị, quận huyện ban hành kế hoạch thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL về PCTN; 55/63 địa phương có 100% các sở, ngành, đơn vị, quận huyện ban hành kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN.

⁸ Theo Báo cáo của Chính phủ số 565/BC-CP ngày 18/10/2023 về công tác PCTN năm 2023, năm 2023 các bộ, ngành và địa phương đã ban hành 13.860 văn bản, sửa đổi, bổ sung 359; bãi bỏ 169 văn bản nhằm cụ thể hóa, hướng dẫn thực hiện chính sách, pháp luật về PCTN, tiêu cực.

⁹ Báo cáo số 51/BC-TTCTP ngày 10/01/2025 của Thanh tra Chính phủ.

(giảm 7% so với năm 2023), với tổng số người được tiếp là 360.086 người (giảm 9,2% so với năm 2023) về 287.766 vụ việc (giảm 4,2%), có 2.701 đoàn đông người (giảm 23,5%). Trong đó, các địa phương đã tiếp 277.437 lượt, với 292.530 người được tiếp về 228.529 vụ việc, có 2.345 đoàn đông người, so với năm 2023 giảm 9,8% số lượt tiếp, giảm 12% số người được tiếp, giảm 6,9% số vụ việc và giảm 23,8% số đoàn đông người.

Trong đó, Thanh tra Chính phủ đã tập trung chỉ đạo, cùng với tỉnh, thành phố thực hiện đồng bộ, quyết liệt nhiều giải pháp, thúc đẩy rà soát, giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo tồn đọng, phức tạp, kéo dài; tích cực, chủ động triển khai thực hiện Nghị quyết 623/NQ-UBTVQH15 ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã góp phần đảm bảo ổn định tình hình an ninh, trật tự xã hội.

Việc tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp tỉnh trong năm 2024 đạt 85,81%, thấp hơn 3,35 điểm % so với năm 2023 (đạt 89,16%), trong đó 34 địa phương điểm đánh giá người đứng đầu UBND cấp tỉnh trực tiếp tiếp công dân đạt điểm tuyệt đối. Việc tiếp công dân của các cơ quan chuyên môn của tỉnh và Chủ tịch UBND cấp huyện đều tăng so với năm 2023, lần lượt là 88,58% và 80,12%. Điểm đánh giá công tác chỉ đạo của Chủ tịch UBND cấp tỉnh xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân, kiến nghị, đề nghị bảo vệ người tố cáo tham nhũng năm 2024 (đạt 76,19%) tăng so với năm 2023 (đạt 70.24%).

2. Phần B - Đánh giá việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng

Năm 2024, Bộ chỉ số đánh giá việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng ở cấp tỉnh nhìn chung kế thừa cơ cấu điểm đánh giá từ năm 2023 với tổng điểm đánh giá tối đa là 30 điểm, trong đó đánh giá việc thực hiện phòng ngừa trong các cơ quan, đơn vị, tổ chức khu vực nhà nước tối đa đạt 27 điểm và điểm đánh giá công tác phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước đạt tối đa là 3 điểm.

Về căn bản, việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng tiếp tục được các tỉnh, thành phố triển khai đồng bộ, hiệu quả và nhất quán. Điểm trung bình của 63 địa phương năm 2024 là 25,78 điểm, tương đương đáp ứng 85,51% yêu cầu, tăng 2,61 điểm tương đương 8,59% so với năm 2023 đạt trung bình là 23,17 điểm, đạt 77,23 % so với yêu cầu. Tỉnh có điểm cao nhất là Đắk Lắk đạt 29,87 điểm, trong khi tỉnh có điểm thấp nhất sau rà soát tại nội dung này là Thành phố Huế chỉ đạt 21,38 điểm (chênh lệch giữa hai địa phương lên tới 8,49 điểm).

Năm	Điểm TB cả nước Phần B	Điểm cao nhất	Điểm thấp nhất	Chênh lệch giữa điểm cao nhất và thấp nhất
Năm 2024	25,78	29,87	21,38	8,49
Năm 2023	23,17	27,58	17,62	9,96

(Kết quả đánh giá việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng - PACA 2024)

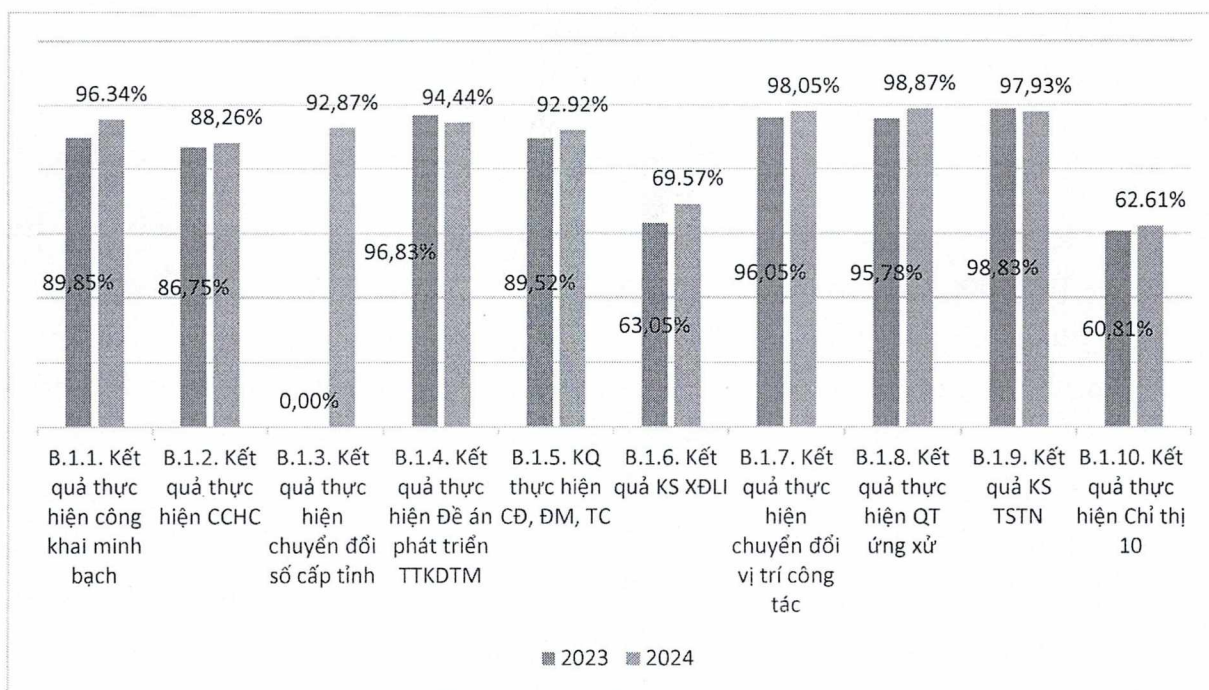
Qua kết quả rà soát cho thấy, có tới 17 địa phương có điểm kết quả đánh giá công tác phòng ngừa tham nhũng cao hơn so với địa phương đạt điểm cao nhất tại nội dung này của năm 2023 (tỉnh Quảng Ngãi đạt 29,01 điểm). Nhóm các địa phương có điểm thấp nhất của nội dung này như Thành phố Huế (21.38 điểm), Kiên Giang (21.63 điểm), Ninh Bình (21.84 điểm), Bà Rịa-Vũng Tàu (21.93 điểm) cũng đạt kết quả cao hơn so với các địa phương có điểm thấp nhất của năm 2023 như Lai Châu (17.62 điểm), Bắc Giang (17.70 điểm), Thừa Thiên Huế (19.14 điểm), Bình Thuận (19.40 điểm). Điều này cho thấy có sự nỗ lực chung của các địa phương trong cả nước trong việc nâng cao hiệu quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng.

Đáng chú ý, qua bảng phân tích ở trên cho thấy, chênh lệch điểm giữa địa phương có điểm cao nhất và thấp nhất trong hai năm 2023 và năm 2024 cho thấy sự chênh lệch không đáng kể, điều này cho thấy những tiến bộ trong công tác phòng ngừa tham nhũng của các địa phương cả nước là tương đối đồng đều. Tuy nhiên, từ kết quả chung cho thấy, Thành phố Huế là địa phương có hai năm liên tiếp nằm trong nhóm địa phương có điểm phòng ngừa tham nhũng thấp nhất, do đó, địa phương cần có những nỗ lực để nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa tham nhũng trong thời gian tới.

2.1. Kết quả đánh giá công tác phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước

Đối với phần đánh giá công tác phòng ngừa tham nhũng trong khu vực nhà nước, qua biểu đồ ở dưới và như đã phân tích ở trên, cơ cấu, tỷ trọng điểm của các nội dung đánh giá của công tác phòng ngừa gần như không thay đổi, tiếp tục cho thấy việc triển khai các biện pháp phòng ngừa tham nhũng kể từ khi Luật Phòng, chống tham nhũng được ban hành cho đến nay đã tạo ra những tác động đáng kể đối với ý thức, nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, công chức cũng như hệ thống các cơ quan chức năng ở địa phương trong việc thực hiện và ngày càng đi vào nề nếp hơn. Các nội dung đạt điểm số cao vẫn là (1) Công khai minh bạch, (2) cải

cách hành chính, (3) thực hiện chế độ định mức, tiêu chuẩn, (4) Chuyển đổi vị trí công tác và (5) việc thực hiện thanh toán không sử dụng tiền mặt và (6) kiểm soát tài sản thu nhập, trong khi kết quả kiểm soát xung đột lợi ích và kết quả thực hiện Chỉ thị 10 vẫn là những nội dung trọng tâm các địa phương cần đẩy mạnh trong thời gian tới.



(Biểu đồ phân tích kết quả công tác phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước)

2.1.1 Kết quả thực hiện công khai, minh bạch quy định tại Điều 10 của Luật PCTN 2018

Theo kết quả đánh giá, kết quả công khai minh bạch của năm 2024 theo các quy định của Luật PCTN 2018 của các địa phương cả nước đạt tới 96,34% yêu cầu (so với kết quả năm 2023 đạt 89,85% yêu cầu). So với năm 2023, Bộ Chỉ số năm 2024 có sự điều chỉnh khi đánh giá việc thực hiện công khai, minh bạch của các địa phương tập trung vào 06 lĩnh vực là thủ tục hành chính; quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn; trong bổ nhiệm, tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức; ngân sách nhà nước; tài sản công; về quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất. Kết quả công khai minh bạch của năm 2024 theo Bộ Chỉ số cho thấy đa số các địa phương đã chú ý trong việc lãnh đạo chỉ đạo và tổ chức thực hiện tốt việc công khai, minh bạch trong 06 lĩnh vực được cho là dễ xảy ra tiêu cực, tham nhũng. Qua thống kê, có tới 40/63 địa phương đạt điểm tuyệt đối (6/6) so với yêu cầu. Đối với các địa phương, việc tự đánh giá đạt điểm tuyệt đối trong tổ chức và hoạt động cho thấy những tín hiệu rất tích cực, điều này thể hiện trách nhiệm công khai, sẵn sàng giải trình trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị nhất là trong các lĩnh vực mà việc trao đổi, tiếp xúc với người dân

và doanh nghiệp diễn ra thường xuyên; kịp thời công bố, công khai, thông tin báo chí về những vụ việc dư luận xã hội quan tâm; hướng tới mô hình chính quyền vì nhân dân phục vụ. Mặc dù vậy, so với các địa phương cả nước, vẫn còn một số địa phương còn bị trừ điểm ở nội dung này. Nhóm các địa phương có điểm thấp nhất cả nước bao gồm Đồng Nai (3.28 điểm); Bình Dương và Quảng Nam (cùng được 4.66 điểm).

TT	Tiêu chí đánh giá về công khai, minh bạch	Kết quả đạt được
1	Công khai, minh bạch quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn	98,30 %
2	Công khai, minh bạch các thủ tục hành chính	97,63 %
3	Công khai, minh bạch về tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức	97,29 %
4	Công khai, minh bạch về ngân sách nhà nước	96,97 %
5	Công khai, minh bạch về quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất	94,32 %
6	Công khai, minh bạch về tài sản công	93,50 %

Qua bảng phân tích kết quả đánh giá việc công khai, minh bạch cho thấy, việc thực hiện công khai minh bạch về quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn và công khai minh bạch các thủ tục hành chính¹⁰ đạt kết quả rất cao và có sự chênh lệch tương đối đáng kể so với nhóm các lĩnh vực còn lại (lần lượt đạt 98,30% và 97,63%). Nhóm các lĩnh vực liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công như ngân sách nhà nước; quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất; tài sản công tuy kết quả đánh giá về công tác công khai minh bạch đạt tương đối cao, tuy nhiên so với các lĩnh vực khác lại đạt kết quả thấp nhất, cho thấy vẫn còn tiềm ẩn những nguy cơ xảy ra tham nhũng, tiêu cực trong các lĩnh vực này. Một vài địa phương tự đánh giá hoặc qua rà soát bị trừ điểm tương đối nhiều trong việc công khai, minh bạch liên quan đến tài sản công và ngân sách nhà nước là Thái Bình, Quảng Nam, Đồng Nai, Khánh Hòa...; quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất như Đồng Nai, Bình Dương, Thanh Hóa, Quảng Nam, Hậu Giang...

2.1.2. Kết quả thực hiện cải cách hành chính (PAR Index 2024)

Năm 2024, cải cách hành chính (CCHC) được xác định là một trong những trọng tâm chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, trong đó, xác định tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình tổng thể CCHC nhà nước, trọng tâm

¹⁰ Theo Báo cáo của Bộ Nội vụ, tính đến ngày 22/12/2024, đã có 4.479 thủ tục hành chính cung cấp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (2.678 thủ tục của người dân, 2.434 thủ tục của doanh nghiệp); có trên 393,10 triệu hồ sơ đồng bộ trạng thái và có hơn 60,55 triệu hồ sơ trực tuyến thực hiện qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

là cải cách thể chế, cải cách tổ chức bộ máy, công chức, công vụ và thủ tục hành chính (TTHC); tập trung xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, là giải pháp quan trọng nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 tại Nghị quyết số 01/NQ-CP; với chủ đề điều hành của năm là: “Kỷ cương trách nhiệm; chủ động kịp thời; tăng tốc sáng tạo; hiệu quả bền vững”. Cùng với đó, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo thực hiện nhiều giải pháp nhằm cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; rà soát, tháo gỡ các vướng mắc về thể chế, đẩy mạnh cải cách TTHC gắn với chuyển đổi số, đổi mới quản lý; kịp thời, tháo gỡ khó khăn, phục hồi sản xuất kinh doanh trong bối cảnh nền kinh tế trong nước và thế giới có nhiều biến động¹¹.

Cải cách hành chính là một biện pháp phòng ngừa tham nhũng quan trọng trong công tác phòng, chống tham nhũng, đã được quy định trong Luật phòng, chống tham nhũng. Chính vì vậy, kết quả đánh giá công tác cải cách hành chính của các địa phương là một trong những tiêu chí đánh giá xuyên suốt và nhất quán của Bộ chỉ số đánh giá công tác phòng chống tham nhũng cấp tỉnh (PACA index), thông qua kết quả đánh giá điểm PAR index hàng năm do Bộ Nội vụ công bố. Trên cơ sở kết quả đã được công bố của Bộ Nội vụ cho thấy các bộ, ngành, địa phương đã chủ động triển khai kế hoạch CCHC năm 2024 của mình và chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, đã ban hành tổng số 4.673 văn bản để chỉ đạo, đôn đốc, quán triệt thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ CCHC; trong đó, các bộ, cơ quan ngang bộ đã ban hành 468 văn bản, các địa phương đã ban hành 4.205 văn bản. Theo kết quả thống kê, trong năm 2024, các bộ, cơ quan ngang bộ đã đề ra 1.049 nhiệm vụ; UBND các tỉnh, thành phố đã đề ra 2.917 nhiệm vụ. Đến nay, các bộ, ngành Trung ương đã hoàn thành 1.019/1.049 nhiệm vụ, đạt tỷ lệ 97,14% so với kế hoạch, cao hơn 2,74% so với cùng kỳ năm 2023; UBND các tỉnh, thành phố đã hoàn thành 2.842/2.917 nhiệm vụ, đạt tỷ lệ 97,43% so với kế hoạch đề ra, thấp hơn 1,22% so với cùng kỳ năm 2023.

Bên cạnh những kết quả tích cực đã được chỉ ra¹², Báo cáo của Bộ Nội vụ còn cho thấy, một số bộ, ngành địa phương chưa quyết liệt, chưa quan tâm đúng mức tới cải cách hành chính; công tác phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương có nơi, có lúc còn chậm, hiệu quả chưa cao. Trách nhiệm thực thi công vụ của CBCCV ở một số nơi còn thấp, động lực làm việc không cao, tinh thần cải cách

¹¹ Báo cáo số 8465/BC-BNV ngày 25/12/2024 của Bộ Nội vụ về tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2024.

¹² Trên các mặt cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính, cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; cải cách chế độ công vụ; cải cách tài chính công; xây dựng và phát triển chính phủ điện tử, chính phủ số.

chưa mạnh mẽ... ảnh hưởng đến những nỗ lực chung trong công tác phòng, chống tham nhũng của bộ, ngành, địa phương trong năm 2024.

2.1.3 Kết quả thực hiện chuyển đổi số cấp tỉnh

Theo Báo cáo khảo sát Chính phủ điện tử năm 2024 (EGovernment Development Index - EGDI) của Liên hợp quốc, Việt Nam được xếp hạng ở vị trí thứ 71 trong tổng số 193 quốc gia, tăng 15 bậc so với năm 2022; lần đầu tiên được xếp vào nhóm EGDI ở mức “Rất Cao” và đạt vị trí xếp hạng cao nhất kể từ khi bắt đầu tham gia đánh giá EGDI của Liên hợp quốc năm 2003 (Báo cáo số 8465/BC-BNV ngày 25/12/2024 của Bộ Nội vụ).

Qua việc đánh giá kết quả thực hiện chuyển đổi số cấp tỉnh năm 2023 của Bộ Chỉ số PACA dựa trên kết quả thực hiện chuyển đổi số (DTI năm 2023) không được Bộ Thông tin và Truyền thông công bố, ảnh hưởng tới kết quả chung của các địa phương trong việc tự đánh giá và rà soát của Thanh tra Chính phủ. Năm 2024, Bộ Chỉ số PACA đổi với kết quả thực hiện chuyển đổi số cấp tỉnh đã được thiết kế lại nhằm hỗ trợ các địa phương thuận lợi hơn trong công tác đánh giá. Theo đó, Bộ chỉ số yêu cầu các địa phương đánh giá việc báo cáo kết quả việc thực hiện chuyển đổi số của các sở, ngành, địa phương (cấp huyện) năm 2024.

Từ kết quả đánh giá cho thấy, điểm trung bình của 63 địa phương cả nước là 0.93 tương đương đạt 92.87% yêu cầu. Có tới 46/63 địa phương đạt điểm tối đa tại tiêu chí đánh giá này, cho thấy mục tiêu xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia đã được các cấp chính quyền ở địa phương nhiệt tình hưởng ứng. Kết quả về xây dựng, phát triển các hệ thống thông tin phục vụ người dân, doanh nghiệp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến đã cho thấy nhiều chỉ số tương đối ấn tượng của địa phương (Theo báo cáo của Văn phòng Chính phủ¹³, tại thời điểm đánh giá ngày 27/11/2024), cụ thể: Chỉ số về cung cấp dịch vụ trực tuyến có tỷ lệ hồ sơ trực tuyến tại địa phương đạt 49,39% (1.133.105/2.301.204 hồ sơ). Tỷ lệ TTHC có giao dịch thanh toán trực tuyến địa phương đạt 51,37% (748/1.456 TTHC). Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến trên tổng số hồ sơ có yêu cầu nghĩa vụ tài chính tại địa phương đạt 42,42% (932.863/2.199.010 hồ sơ). Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tại địa phương đạt 60,28% (1.387.165 /2.301.204 hồ sơ). Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả bản điện tử có giá trị pháp lý để tái sử dụng tại địa phương đạt 59,26% (1.363.693 kết quả giải quyết TTHC/2.301.204 kết quả cần cấp). Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin dữ liệu số hóa tại địa phương đạt 25,03% (594.167/2.373.819 hồ sơ). Qua đó,

¹³ Báo cáo số 8967/BC-VPCP ngày 05/12/2024 của Văn phòng Chính phủ về tình hình, kết quả cải cách TTHC tháng 11 năm 2024.

tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương trong triển khai thực hiện chuyển đổi số, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý điều hành, giải quyết công việc, thực thi công vụ và phát triển kinh tế - xã hội.

2.1.4. Kết quả thực hiện Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt

Bộ Chỉ số PACA năm 2024 đối với kết quả thực hiện Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt yêu cầu các địa phương tự đánh giá không thay đổi so với năm 2023, theo đó, các địa phương được yêu cầu: (1) UBND tỉnh báo cáo kết quả xây dựng Kế hoạch hoặc văn bản lồng ghép các nội dung thực hiện; (2) UBND tỉnh báo cáo kết quả thực hiện gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Qua Biểu đồ phân tích ở trên cho thấy, mặc dù có sự giảm nhẹ về kết quả so với năm 2023 (đạt 0.94 điểm tương đương 94.44%, so với số điểm đạt 96.83% của năm 2023), nhưng nhìn chung, hầu hết các địa phương đều hoàn thành các yêu cầu của Bộ Chỉ số đề ra. Thống kê có tới 56/63 địa phương đạt điểm tuyệt đối. Chỉ có 07 địa phương bị trừ điểm nhưng không có địa phương nào bị trừ toàn bộ điểm ở các tiêu chí này. Lý do chủ yếu do các địa phương không chứng minh được việc đã ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt của năm 2024 hoặc lồng ghép các nội dung thực hiện vào các nhiệm vụ, hoạt động có liên quan.

2.1.5. Kết quả thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn

Năm 2024, Chính phủ, các bộ, ngành và địa phương đã có nhiều nỗ lực trong việc chỉ đạo và thực hiện đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập: Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 91/NQ-CP ngày 18/6/2024 về việc đẩy mạnh xã hội hóa các dịch vụ sự nghiệp công; Nghị định số 138/2024/NĐ-CP ngày 24/10/2024 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng. Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 56/2022/TTBTC ngày 16/9/2022 hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập. Các bộ, ngành, địa phương tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ, đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; kịp thời đề xuất, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện; thực hiện thẩm định phương án tự chủ tài chính và giao quyền tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2023 - 2025. Các bộ ngành, địa phương đã ban hành 19.451 văn bản; hủy bỏ hoặc sửa đổi, bổ sung 6.152 văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ. Tiến hành 17.245 cuộc kiểm tra việc thực hiện các định mức, tiêu chuẩn, chế độ; phát hiện 609 vụ việc và 751 người vi phạm, đã xử lý

hành chính 289 người; chuyển xử lý hình sự 03 người; kiến nghị thu hồi 292,3 tỷ đồng, đã thu hồi được 30,6 tỷ đồng¹⁴.

Bộ Chỉ số PACA đánh giá việc thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn dựa trên việc đánh giá (1) việc ban hành văn bản để kiểm tra việc thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn trong nội bộ, cơ quan, đơn vị của địa phương và (2) kết quả thực hiện việc kiểm tra việc thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn trong nội bộ cơ quan, đơn vị, địa phương (cấp huyện). Điểm trung bình của các địa phương đạt tới 92,92%, cho thấy hầu hết các địa phương đã ban hành kế hoạch và tổ chức kiểm tra việc thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn theo đúng kế hoạch đề ra. Thông thường qua đánh giá các năm trước đây cho thấy, các địa phương thường đạt điểm ban hành kế hoạch cao hơn so với việc tổ chức thực hiện kế hoạch, tuy nhiên, kết quả đánh giá việc thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn lại cho kết quả ngược lại (kết quả của việc ban hành kế hoạch đạt trung bình 0,92 điểm tương đương với 92,35% yêu cầu; kết quả thực hiện kiểm tra việc thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn đạt trung bình 0,93 điểm tương đương 93,43% yêu cầu). Điều này có thể giải thích là do so với các năm trước đây, Bộ Chỉ số yêu cầu các địa phương cần ban hành kế hoạch kiểm tra việc thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn trong nội bộ, nghĩa là cần ban hành kế hoạch riêng cho việc kiểm tra này. Thực tế cho thấy, nhiều địa phương tích hợp kế hoạch kiểm tra việc thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn trong các Kế hoạch phòng, chống tham nhũng hoặc trong các hoạt động thanh tra trách nhiệm về phòng, chống tham nhũng, trong đó có kiểm tra việc thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn. Do vậy, chỉ có 41 địa phương đáp ứng 100% yêu cầu này, trong khi nhiều địa phương bị trừ điểm hoặc không có điểm ở tiêu chí này như Bà Rịa-Vũng Tàu, Lai Châu, Vĩnh Phúc, Trà Vinh. Đối với kết quả thực hiện kiểm tra việc thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn, có 45 địa phương đạt 100% yêu cầu (1 điểm), một số địa phương có điểm tương đối thấp như Bà Rịa-Vũng Tàu, Lai Châu, Vĩnh Phúc...

2.1.6. Kết quả kiểm soát xung đột lợi ích (XDLI)

Năm 2024 các địa phương tiếp tục đánh giá việc kiểm soát XDLI tại sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị với những tiêu chí thành phần và cơ cấu điểm thành phần không thay đổi.

Dựa vào bảng so sánh kết quả kiểm soát xung đột lợi ích năm 2023 và 2024, có thể thấy năm 2024, kết quả kiểm soát XDLI nói chung, hay kết quả của các tiêu chí thành phần nói riêng đều có kết quả cao hơn so với năm 2023, điều đó cho thấy những nỗ lực đáng khích lệ của các địa phương việc nâng cao hiệu quả phòng ngừa

¹⁴ Báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng năm 2024 của Chính phủ báo cáo Quốc hội.

tham nhũng nói chung, ngăn ngừa nguy cơ tham nhũng, tiêu cực tiềm ẩn trong việc thực hiện công vụ của cán bộ, công chức, viên chức nói riêng. Điểm trung bình chung của các địa phương là 2,09/3 điểm, đạt 69,57% yêu cầu, cao hơn 6% so với năm 2023. Mặc dù vậy, kiểm soát XĐLI vẫn là một biện pháp có nhiều thách thức đối với các địa phương trong việc tổ chức thực hiện khi thống kê cho thấy chỉ có 6 địa phương (chiếm chưa tới 10% tổng số các địa phương) đạt điểm tuyệt đối ở nội dung này. Kiểm soát XĐLI vẫn là một trong những hoạt động có kết quả thấp nhất trong nhóm giải pháp trong các năm qua (cùng với kết quả triển khai thực hiện Chỉ thị 10/CT-TTg ngày 24/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ).

TT	Kết quả kiểm soát xung đột lợi ích	Năm	
		2023	2024
1	<i>B.1.6 Kết quả kiểm soát xung đột lợi ích</i>	63,05%	69,57%
2	B.1.6.1. Việc ban hành văn bản triển khai thực hiện	89,14%	93,51%
3	B.1.6.2. Kết quả thực hiện kế hoạch kiểm soát xung đột lợi ích	83,99%	92,33%
4	B.1.6.3. Kết quả giải quyết xung đột lợi ích	14,68%	22,86%

Từ Bảng tổng hợp kết quả trên cho thấy, các sở, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục thực hiện tốt các quy định của pháp luật và văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, triển khai thực hiện Kế hoạch của UBND tỉnh về kiểm soát quyền lực và kiểm soát XĐLI phục vụ công tác phòng ngừa, ngăn chặn tham nhũng, tiêu cực trên địa bàn địa phương, đồng thời thường xuyên tổ chức tiến hành rà soát, đánh giá, tổng kết việc thực hiện kế hoạch kiểm soát XĐLI. Kết quả của các tiêu chí này tại các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị và địa phương tại 63 địa phương cả nước đạt kết quả rất cao (93,51% và 92,33% yêu cầu). Tuy nhiên, kết quả giải quyết XĐLI của các địa phương, mặc dù có sự cải thiện tăng từ 14,68% năm 2023 lên mức đạt 22,86% yêu cầu năm 2024, cho thấy dường như các địa phương vẫn chưa thực sự chủ động, tích cực trong việc rà soát các vụ việc có nguy cơ gây ra XĐLI tại cơ quan, đơn vị mình. Chỉ có 26 địa phương có điểm đối với tiêu chí thành phần này, nghĩa là có tới 37 địa phương báo cáo không có vụ việc XĐLI; trong số 26 địa phương này, có tới 14 địa phương chỉ đạt được 0,2-0,4 điểm, có nghĩa trong toàn tỉnh chỉ rà soát được 1-2 vụ việc trong năm 2024.

2.1.7. Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của CB, CC, VC

Trong năm 2024, các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác người có chức vụ, quyền hạn theo quy định của Luật PCTN năm 2018 và các văn bản hướng dẫn. Công chức, viên chức

phải thực hiện chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng là 92.142 người; công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng là 88.640 người (đạt 96,2%). Việc chuyển đổi vị trí công tác đảm bảo phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ, không làm xáo trộn, ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan, tổ chức, đơn vị (*Trích Báo cáo công tác PCTN năm 2024 của Chính phủ báo cáo Quốc hội*).

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm trung bình	Đạt yêu cầu
1	<i>B.1.7. Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của CB, CC, VC</i>	1,96/2,00	98,05%
2	B.1.7.1. Việc ban hành kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác của CB, CC, VC	0,98/1,00	97,57%
3	B.1.7.2. Kết quả thực hiện kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác của CB, CC, VC	0,99/1,00	98,52%

(Kết quả đánh giá việc thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của CB, CC, VC)

Cùng với kết quả đánh giá việc thực hiện quy tắc ứng xử, kiểm soát tài sản, thu nhập, việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức là một trong ba tiêu chí đạt kết quả rất ấn tượng trong việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng của các địa phương, đạt tới 98,05% yêu cầu (trung bình các địa phương đạt 1,96/2,00 điểm). Việc ban hành kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác luôn là một trong những biện pháp phòng ngừa được các địa phương tích cực chú ý, quan tâm, tổ chức thực hiện. Qua rà soát cho thấy, 47 địa phương cả nước có điểm tuyệt đối trong việc ban hành kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức, cho thấy tại các địa phương này 100% các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương đều ban hành kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác. Kết quả thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác cũng diễn ra đồng đều tại các cơ quan, đơn vị, địa phương, khi có tới 54 địa phương được điểm tuyệt đối trong việc thực hiện, đồng nghĩa với việc 100% các cơ quan, đơn vị, địa phương tất cả các vị trí phải chuyển đổi đã được chuyển đổi tại các địa phương này (*chi tiết tại Phụ lục 03 của Báo cáo này*).

2.1.8. Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử

Trong năm 2024, các bộ, ngành, địa phương đã chủ động rà soát, bổ sung, hoàn thiện các quy định về quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn thuộc thẩm quyền, lĩnh vực quản lý. Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức trong thi hành nhiệm vụ, công vụ và trong quan hệ xã hội được các bộ, ngành, địa phương quan tâm, chú trọng. Cả nước đã tiến

hành kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức tại 89.126 cơ quan, tổ chức, đơn vị; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh các sai phạm và xử lý 1.121 cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp (*Trích Báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng năm 2024 của Chính phủ*).

Như đã nêu ở trên, kết quả đánh giá việc thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức theo Bộ Chỉ số PACA các năm đều cho thấy sự tích cực, năm 2024, điểm trung bình ở tiêu chí này của các tỉnh, thành phố cả là 0,99/1,00 điểm, đạt tới 98,87% yêu cầu. Trong đó, có tới 59/63 địa phương đạt điểm tuyệt đối, có nghĩa 100% các cơ quan, đơn vị, địa phương tại 59 địa phương cả nước có báo cáo kết quả thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức. Chỉ số 04 địa phương bị trừ điểm ở tiêu chí này, bao gồm TP. Hồ Chí Minh (0,97 điểm), Lâm Đồng (0,79 điểm), Vĩnh Phúc (0,96 điểm), Kiên Giang (0,57 điểm).

2.1.9. Kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập

Nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong công tác kiểm soát tài sản, thu nhập, Thanh tra Chính phủ đã tổ chức hội nghị trực tuyến toàn quốc¹⁵ về công tác kiểm soát tài sản, thu nhập, qua đó tiếp tục phổ biến, quán triệt các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập; trao đổi những kinh nghiệm, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện để kịp thời tham mưu cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả kiểm soát tài sản, thu nhập. Trong năm 2024, các bộ, ngành, địa phương, cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập đã tích cực thực hiện các quy định của Đảng, pháp luật Nhà nước về kiểm soát tài sản, thu nhập.

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm trung bình	Kết quả
1	<i>B.1.9. Kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập (TSTN)</i>	<i>4,90/5,00</i>	<i>97,93%</i>
2	B.1.9.1. Ban hành kế hoạch kê khai, công khai bản kê khai TSTN.	0,99/1,00	99,16%
3	B.1.9.2. Kết quả kê khai, công khai bản kê khai TSTN	0,99/1,00	99,11%
4	B.1.9.3. Việc ban hành, phê duyệt kế hoạch xác minh TSTN	1,00/1,00	100%
5	B.1.9.4. Kết quả xác minh TSTN	1,91/2,00	95,68%

(*Kết quả đánh giá công tác kiểm soát tài sản, thu nhập năm 2024*)



¹⁵ Hội nghị tổ chức vào ngày 20/12/2023.

Từ Bảng tổng hợp kết quả đánh giá công tác kiểm soát tài sản, thu nhập của các địa phương cũng phản ánh tính tích cực, chủ động, hiệu quả của các địa phương trong việc thực hiện pháp luật về kiểm soát tài sản, thu nhập, đặc biệt là sau khi Chính phủ đã ban hành Nghị định 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị. Có tới 03/04 chỉ tiêu thành phần đạt điểm gần như tuyệt đối, đó là các kết quả (1) Ban hành kế hoạch kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập; (2) Kết quả kê khai, công khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập (đạt 99,11%); (3) Việc ban hành, phê duyệt kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập (đạt 100%), cho thấy các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập tại địa phương đã tổ chức thực hiện công tác này ngày càng đi vào nề nếp và nhuần nhuyễn. Kết quả xác minh tài sản, thu nhập cũng đạt kết quả rất ấn tượng là 95,68% yêu cầu, trong đó có tới 57 địa phương đạt điểm tuyệt đối, có nghĩa 100% người được xác minh đã được các cơ quan ban hành kết luận xác minh tài sản, thu nhập. Một số địa phương có kết quả tương đối thấp ở tiêu chí này là Lâm Đồng và Kon Tum.

2.1.10. Kết quả thực hiện Chỉ thị 10/CT-TTg ngày 24/4/2019 của TTg CP

Năm 2024, các địa phương tiếp tục đánh giá việc thực hiện Chỉ thị 10/CT-TTg ngày 24/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc (Chỉ thị 10) với các nội dung đánh giá và tỷ trọng, cơ cấu điểm trong Bộ Chỉ số được giữ nguyên, thuận lợi cho việc đánh giá hiệu quả trong việc thực hiện của các địa phương đối với tiêu chí này.

Nhìn chung, kết quả đánh giá việc thực hiện Chỉ thị 10 của các địa phương cho thấy có sự tiến triển nhưng chưa thực sự đáng kể so với năm 2023. Điểm trung bình của 63 địa phương cả nước là 3,13/5,00 điểm tương ứng với 62,61% yêu cầu, tăng 1,80% so với năm 2023 (năm 2023 các địa phương đạt trung bình 60,81% ở nội dung đánh giá này), do đó vẫn là một biện pháp phòng ngừa đạt hiệu quả thấp qua việc đánh giá PACA trong các năm trở lại đây.

Trong ba tiêu chí đánh giá thành phần của việc thực hiện Chỉ thị 10 qua hai năm, hiệu quả việc thực hiện của các tiêu chí đánh giá không có sự thay đổi, các địa phương có xu hướng đạt điểm cao nhất trong việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị 10, tiếp theo là việc tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh về tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc, cuối cùng là kết quả xử lý vi phạm Chỉ thị 10 của Thủ tướng Chính phủ.

Cũng như năm 2023, điểm số đạt được ở nội dung này chủ yếu là việc xây dựng kế hoạch triển khai Chỉ thị 10 ở địa phương (đạt 92,06% so với yêu cầu,

không thay đổi qua hai năm thực hiện). Qua rà soát cho thấy chỉ có 05 địa phương (Điện Biên, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Nam Định, Vĩnh Phúc) bị trừ điểm ở nội dung này. Việc tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh về tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc đạt được 68,54% yêu cầu, giảm hơn 10% mức độ đáp ứng yêu cầu so với năm 2023 (năm 2023 đạt 78,91% yêu cầu ở tiêu chí này). Thống kê có tới 19 địa phương không có điểm ở nội dung này... Để tìm hiểu nguyên nhân cần có những Báo cáo chuyên sâu khác. Tuy nhiên, có hai trường hợp có thể xảy ra như sau: một là, nếu năng lực xử lý các vụ việc phản ánh, kiến nghị của người dân và doanh nghiệp của công chức là không đổi, thì số lượng các vụ việc kiến nghị, phản ánh trong năm 2024 tăng lên; hai là, trong trường hợp các vụ việc phản ánh, kiến nghị của người dân và doanh nghiệp tăng lên thì năng lực giải quyết các vụ việc kiến nghị, phản ánh của công chức địa phương chưa tăng mức độ đáp ứng yêu cầu giải quyết công việc tương ứng so với năm 2023. Dù là trong trường hợp nào, thì kết quả việc tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh về tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc giảm đi trong năm 2024 cũng cho thấy những thách thức không hề nhỏ cho các địa phương trong việc tìm giải pháp tháo gỡ vấn đề này trong thời gian tới. Bên cạnh đó, kết quả xử lý vi phạm Chỉ thị 10 lại cho thấy những tín hiệu tích cực hơn, khi các địa phương đạt mức 50,81% yêu cầu (tăng khoảng 6% so với năm 2023 ở tiêu chí này), cho thấy các địa phương đã kiên quyết hơn trong việc xử lý các cán bộ, công chức vi phạm, đã có hành vi những nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc. Dù vậy, kết quả xử lý còn tương đối thấp (có tới 31 địa phương không có điểm tương đương với việc không có kết quả xử lý vi phạm), cho thấy các địa phương cần nghiêm túc quán triệt, chỉ đạo, chấn chỉnh công tác quản lý, siết chặt kỷ cương, kỷ luật hành chính, tăng cường kiểm tra, giám sát cán bộ, công chức trong hoạt động công vụ, kiên quyết và xử lý nghiêm các cán bộ, công chức có hành vi nhũng nhiễu, gây phiền hà người dân và doanh nghiệp.

(Kết quả thực hiện Chỉ thị 10/CT-TTg ngày 24/4/2019 của TTg CP)

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm trung bình		Kết quả	
		Năm 2024	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023
1	B.1.10. Kết quả thực hiện Chỉ thị 10/TTg của TTg CP	3,13/5,00	3,04/5	62,61%	60,81%
2	B.1.10.1. Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị 10 của TTg CP	0,92/1,00	0,90/1,10	92,06%	90,48%

3	B.1.10.2. Việc tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh về tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc	0,69/1,00	0,79/1,00	68,54%	78,91%
4	B.1.10.3. Kết quả xử lý vi phạm Chỉ thị 10 của TTg CP	1,52/3,00	1,35/3,00	50,81%	44,89%

2.2. Phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước

Bộ Chỉ số PACA 2024 đánh giá kết quả phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước đã có sự điều chỉnh so với Bộ Chỉ số PACA 2023 tại tiêu chí thành phần B.2.2. Cụ thể, thay vì đánh giá kết quả Thanh tra việc thực hiện pháp luật PCTN đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước của Thanh tra cấp tỉnh (theo Bộ Chỉ số PACA năm 2023), năm 2024, các địa phương đánh giá kết quả thực hiện pháp luật PCTN của doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước. Qua đánh giá, kết quả trung bình của các địa phương cả nước ở nội dung này là 2,29 điểm (trên tổng 3 điểm tối đa), tương đương với mức đạt 76,40% yêu cầu, so với năm 2023 chỉ đạt 44,71% yêu cầu.

Năm	Nội dung đánh giá	Điểm trung bình	Kết quả
Năm 2024	<i>B.2. Phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước</i>	2,33/3	77,70 %
	B.2.1. UBND cấp tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn, đôn đốc, yêu cầu báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng ngừa tham nhũng đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước	0,97/1	96,83 %
	B.2.2. Kết quả thực hiện pháp luật PCTN của doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước	1,36/2	68,11 %
Năm 2023	<i>B.2. Phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước</i>	1,34/3	44,71 %
	B.2.1. UBND cấp tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn, đôn đốc, yêu cầu báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng ngừa tham nhũng đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước	0,84/1	84,13 %
	B.2.2. Kết quả Thanh tra việc thực hiện pháp luật PCTN của doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước	0,5/2	25,00 %

(So sánh kết quả công tác phòng ngừa tham nhũng trong DN, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước các năm 2023 & 2024)

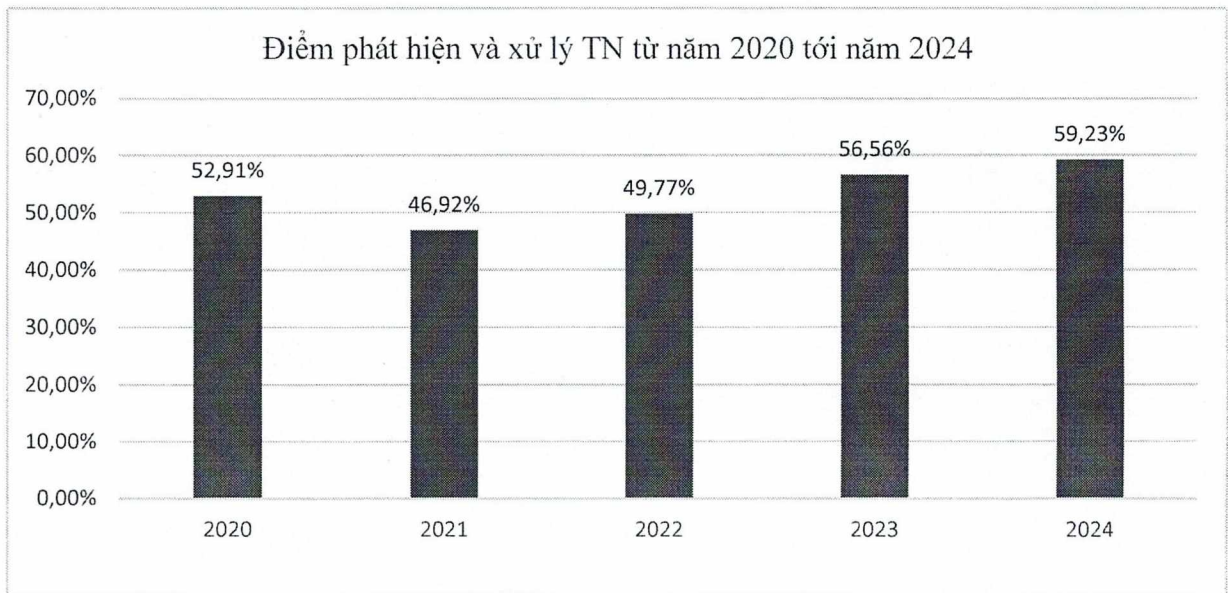


Về các tiêu chí cụ thể, đối với yêu cầu UBND tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn, đôn đốc, yêu cầu báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng ngừa tham nhũng đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước (tiêu chí B.2.1), cho thấy các địa phương đã thực hiện rất tốt, khi điểm trung bình của các địa phương đạt tới 0,97 điểm, tương đương đạt 96,83% yêu cầu. Kết quả này cao hơn đáng kể so với năm 2023, khi các địa phương cũng đạt mức yêu cầu khá cao là 84,13%. Điều đó cho thấy, việc duy trì đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh hàng năm với những tiêu chí ổn định đã có tác động tích cực việc nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về phòng chống tham nhũng của địa phương. Qua rà soát báo cáo đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh của các địa phương cho thấy, hầu hết các địa phương đã ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo hay dành phần riêng để lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, ngừa tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước trong Báo cáo Phòng, chống tham nhũng năm 2024 của địa phương mình (có tới 61/63 địa phương có điểm tại nội dung này).

Về kết quả đánh giá việc thực hiện pháp luật PCTN của doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước (B.2.2) cho thấy, điểm trung bình chung của các địa phương cả nước chỉ đạt 1,36/2 điểm, tương đương đáp ứng 68,11% yêu cầu. Rà soát cho thấy, có tới 30 địa phương có điểm tuyệt đối, trong khi có 11 địa phương không có điểm ở tiêu chí này. Điều đó cho thấy tại một số địa phương vẫn còn có những khó khăn nhất định trong việc gắn kết, phối hợp trong công tác phòng chống tham nhũng giữa cơ quan quản lý nhà nước và cộng đồng doanh nghiệp tại địa phương. Do có sự khác nhau về nội dung của tiêu chí đánh giá giữa 02 năm 2023 và 2024 nên không có cơ sở chung cho việc so sánh hiệu quả giữa hai năm. Tuy nhiên, từ kết quả đánh giá Thanh tra việc thực hiện pháp luật về PCTN đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước của Thanh tra cấp tỉnh năm 2023 chỉ đạt 25% yêu cầu, trong khi đó kết quả thực hiện pháp luật PCTN của doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước năm 2024 đạt 68,11% yêu cầu (cao hơn hơn 2 lần) cho thấy, dường như các doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước sẵn sàng thể hiện trách nhiệm và có cách tiếp cận chủ động, tích cực hơn trong việc thực hiện pháp luật về PCTN so với các cơ quan quản lý nhà nước về PCTN tại địa phương.

3. Phần C - Đánh giá việc phát hiện và xử lý tham nhũng

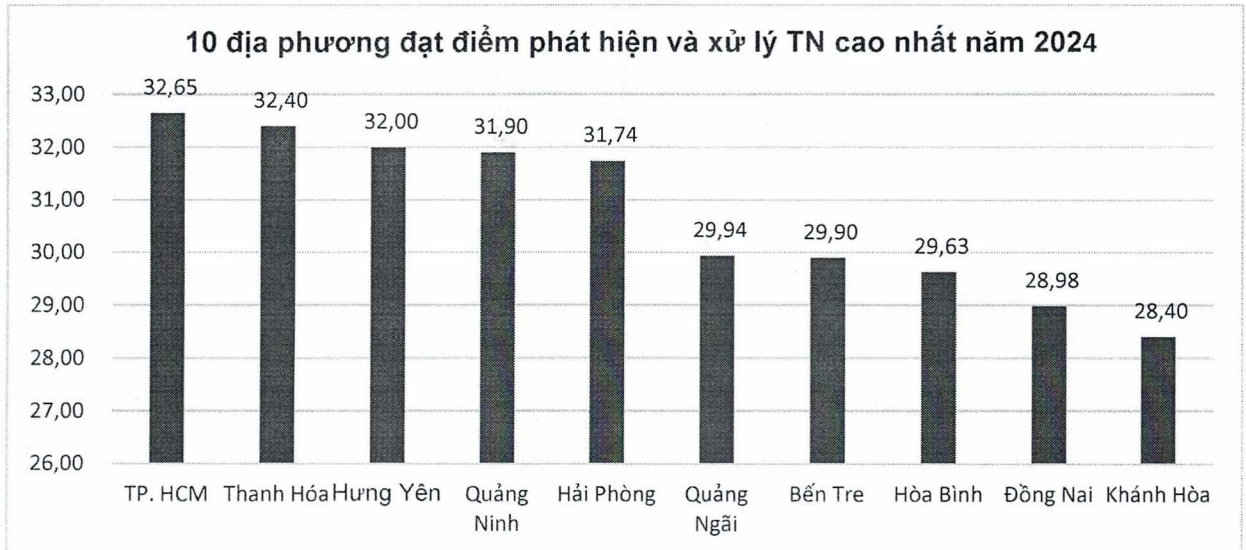
Đánh giá việc phát hiện và xử lý tham nhũng là nội dung phản ánh trực tiếp hiệu quả của công tác đấu tranh PCTN tại địa phương. Điểm trung bình nội dung phát hiện và xử lý tham nhũng năm 2024 đạt 23.69/40 điểm, đáp ứng 59.23% so với yêu cầu. Kể từ năm 2020 đến năm 2024, kết quả phát hiện và xử lý tham nhũng liên tục có xu hướng cải thiện, trong đó năm 2024 đạt mức điểm trung bình cao nhất kể từ khi Luật PCTN năm 2018 có hiệu lực. Điều này cho thấy hiệu quả tích cực từ khi Ban chỉ đạo cấp tỉnh về công tác PCTNLPTC được thành lập, có sự chỉ đạo sâu sát, quyết liệt, toàn diện, không có vùng cấm, không ngừng nghỉ của cả hệ thống chính trị, đặc biệt đối với công tác phát hiện, xử lý tham nhũng tại địa phương.



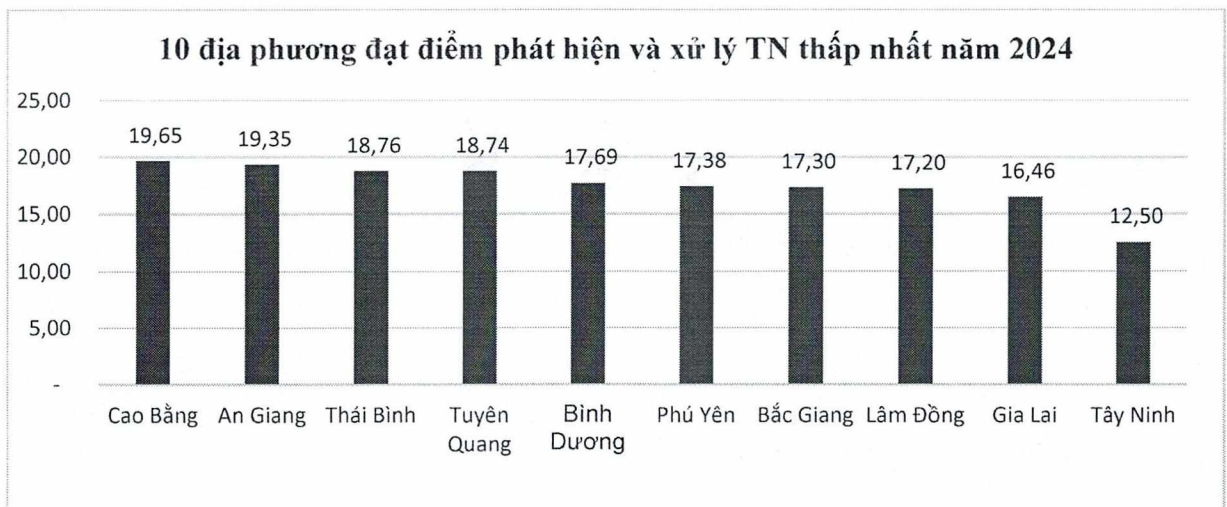
Tuy nhiên, kết quả chi tiết của từng địa phương cho thấy sự phân hóa ngày càng rõ rệt giữa các tỉnh, thành phố. Khoảng cách giữa nhóm 5 tỉnh có điểm cao nhất là 32.14 điểm (đạt 80.35% so với yêu cầu) và nhóm 5 tỉnh có điểm thấp nhất là 16.17 điểm (đạt 40.42% so với yêu cầu) là 15.95 điểm.

Tiêu chí	Thang điểm	Điểm cao nhất – thấp nhất	Điểm trung bình	Tỷ lệ đáp ứng trung bình (%)
Phần C – Đánh giá việc phát hiện và xử lý tham nhũng	40	32,65 – 12.5	23.69	59.23%
C.1 Việc phát hiện hành vi TN	12	12.0 – 0.0	7.13	59.42%
C.2 Việc xử lý hành vi TN	20	20.0 – 5,43	14.04	70.20%
C.3 Kết quả xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN	8	7.0 – 0.0	2.52	31.50%

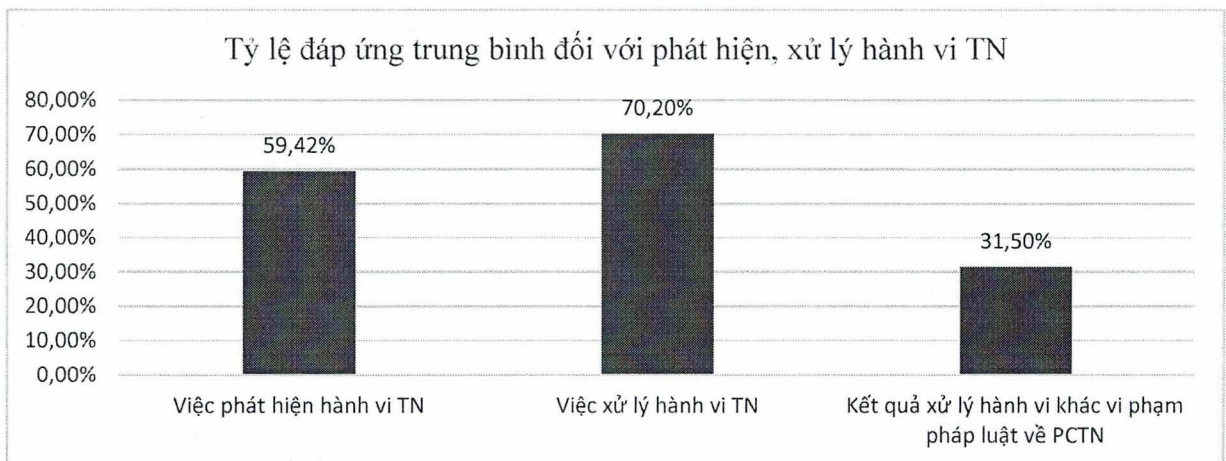
Các tỉnh, thành phố đạt điểm số cao trong công tác phát hiện và xử lý tham nhũng là Thành phố Hồ Chí Minh (32,65 điểm) và Quảng Ninh (31,9 điểm) vẫn duy trì vị thế trong nhóm đầu; năm 2024, có sự chuyển dịch mạnh mẽ ở một số địa phương như tỉnh Hậu Giang, Quảng Nam tăng 35 bậc, Hưng Yên tăng 32 bậc so với năm 2023. Sự vươn lên của các tỉnh này là một tín hiệu đáng mừng, sự chỉ đạo sát sao, quyết liệt, không ngừng nghỉ, không có vùng cấm của lãnh đạo địa phương trong phát hiện và xử lý tham nhũng đã mang lại kết quả rõ rệt.



Ngược lại, một số tỉnh chưa cho thấy sự nỗ lực, tiếp tục duy trì ở nhóm điểm thấp hoặc bị thụt lùi đáng kể như Quảng Ngãi, Bình Định, Tuyên Quang, và Thái Bình. Điển hình sự tụt hạng là các tỉnh: Hà Nam (giảm 30 bậc), An Giang (giảm 26 bậc), Tây Ninh, từ một vị trí ở nhóm giữa xuống nhóm cuối bảng (giảm 34 bậc). Sự thụt lùi này, cho thấy những nỗ lực đã không được duy trì liên tục, hoặc các vấn đề, thách thức mới đã phát sinh nhưng chưa được xử lý kịp thời. Việc không duy trì được hiệu quả công tác phát hiện và xử lý tham nhũng cho thấy các tỉnh cần thiết phải có các giải pháp mang tính hệ thống và bền vững.



Năm 2024 không những có sự gia tăng về điểm chung trong công tác phát hiện và xử lý tham nhũng, mà điểm các tiêu chí thành phần đều có sự gia tăng so với các năm 2022 và 2023, đặc biệt là xử lý hành vi tham nhũng có sự gia tăng mạnh lên 70% so với yêu cầu (năm 2022 là 65.41% và 2023 là 66.10%); xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN tăng mạnh lên 31.50% so với yêu cầu (2023 là 27.62%) và phân phát hiện hành vi tham nhũng vẫn duy trì đạt 59.42% so với yêu cầu (năm 2022 là 37.11% và 2023 là 60%). Điều này cho thấy năm 2024 ngoài việc vẫn duy trì công tác phát hiện hành vi tham nhũng mà còn đẩy mạnh hơn hiệu quả của công tác xử lý hành vi tham nhũng và các hành vi khác vi phạm pháp luật khác về PCTN.



Qua phân tích điểm đạt được năm 2024, mặc dù việc phát hiện tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử đạt 87.85% so với yêu cầu, giảm hơn so với các năm 2023 (đạt 89.28%) và năm 2022 (đạt 88.75%) nhưng đây vẫn là hoạt động hiệu quả nhất. Tại nhiều tỉnh, thành phố việc phát hiện hành vi tham nhũng qua điều tra, truy tố, xét xử đạt điểm tuyệt đối (39/63 tỉnh, thành phố đạt 7/7 điểm, 100% yêu cầu) như: Thanh Hóa, Hưng Yên, Quảng Ninh,... Hoạt động kiểm tra, thanh tra, giám sát góp phần trong việc phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi tham nhũng có thể xảy ra, thống kê cho thấy, hiệu quả của hoạt động này ngày càng tăng. Việc phát hiện hành vi tham nhũng qua kiểm tra, thanh tra, giám sát đạt được hiệu quả cao hơn năm trước, đạt 11.25% so với yêu cầu, tiếp tục tăng so với năm 2023 (đạt 8.66%) và năm 2022 (đạt 6%). Đối với nội dung phát hiện hành vi tham nhũng qua phản ánh, tố cáo, năm 2024 mặc dù giảm nhưng không đáng kể, đạt trung bình 0.66 điểm (32.76% so với yêu cầu) so với năm 2023 đạt trung bình 0.68 điểm (34% so với yêu cầu).

Mặc dù vậy, năm 2024, vẫn còn nhiều tỉnh, thành phố có tỷ lệ phát hiện hành vi tham nhũng qua công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát còn hạn chế như là Tây Ninh, Hà Nam, Bắc Giang, Bình Dương,...

Điểm đánh giá công tác phát hiện hành vi tham nhũng năm 2024

Tiêu chí	Thang điểm	Điểm trung bình	Tỷ lệ đáp ứng trung bình
Tiêu chí C.1 – Việc phát hiện hành vi TN	12	7.13	59.22%
C.1.1 Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua kiểm tra, thanh tra, giám sát.	3	0.34	11.25%
C.1.2 Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua phản ánh, tố cáo	2	0.66	32.76%
C.1.3 Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua điều tra, truy tố, xét xử	7	6.15	87.85%

Việc xử lý tham nhũng năm 2024 đạt trung bình 14,04 điểm, chiếm 70,19% so với yêu cầu, tiếp tục là nội dung đạt điểm cao và tiếp tục tăng hơn so với năm 2023 (13.22 điểm, chiếm 66.10% so với yêu cầu) và năm 2022 (13.08 điểm, chiếm 65.41% so với yêu cầu). Kết quả xử lý kỷ luật hành chính đối với tổ chức tăng mạnh, đạt mức 47.63% so với yêu cầu, cao hơn hẳn năm 2023 (30.07%) và năm 2022 (41.83%). Ngoài ra, kết quả xử lý kỷ luật hành chính đối với cá nhân vẫn duy trì ở mức cao, đạt 88.81% so với năm 2023 (83.86%) và năm 2022 (82.52%). Các nội dung còn lại, gồm kết quả xử lý hình sự người có hành vi tham nhũng đạt kết quả cao, chiếm 89.23% so với yêu cầu và kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào mức độ của vụ việc tham nhũng đạt 52.19%, có tăng nhẹ so với năm trước và vẫn duy trì kết quả đạt được ở mức khá cao và chưa có đột biến lớn.

Điểm đánh giá xử lý tham nhũng năm 2024

Tiêu chí	Thang điểm	Điểm trung bình	Tỷ lệ đáp ứng trung bình
Tiêu chí C.2 - Việc xử lý tham nhũng	20	14.04	70.19%
C.2.1. Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức, cá nhân do để xảy ra tham nhũng	5	3.43	57.08%
<i>C.2.1.1. Kết quả xử lý kỷ luật về đảng, xử phạt hành chính đối với tổ chức do để xảy ra tham nhũng.</i>	2.5	1.19	30.07%
<i>C.2.1.2. Kết quả xử lý kỷ luật hành chính đối với cá nhân có hành vi tham nhũng</i>	2.5	2.22	83.86%
C.2.2. Kết quả xử lý hình sự người có hành vi	7.5	6.69	89.23%

tham nhũng			
<i>C.2.2.1. Kết quả xử lý qua điều tra</i>	2.5	2.10	84.17%
<i>C.2.2.2. Kết quả xử lý qua truy tố</i>	2.5	2.34	93.73%
<i>C.2.2.3. Kết quả xử lý qua xét xử</i>	2.5	2.24	89.78%
C.2.3. Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào mức độ của vụ việc tham nhũng.	7.5	3.91	52.19%
<i>C.2.3.1. Hình thức khiển trách</i>	2.5	1.56	62.42%
<i>C.2.3.2. Hình thức cảnh cáo</i>	2.5	1.18	47.25%
<i>C.2.3.3. Hình thức cách chức</i>	2.5	1.17	46.91%

Qua 03 năm liên tiếp tăng, năm 2024 vẫn tiếp tục tăng nhẹ về điểm đánh giá kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào mức độ của vụ việc tham nhũng, đạt 52.19% so với yêu cầu, cao hơn tỉ lệ trung bình năm 2023 (đạt 48.72%), năm 2022 (đạt 46.92%) và của năm 2021 (đạt 34.13%). Đánh dấu lần đầu tiên điểm bình quân tại nội dung này vượt mức trung bình (50%) và duy trì tăng dần đều qua 04 năm liên cho thấy sự quyết liệt, bền bỉ, quan tâm hơn và nghiêm khắc hơn của lãnh đạo địa phương trong việc xử lý trách nhiệm đối với người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu trong việc nêu gương, quản lý cấp dưới về công tác PCTN.

Đối với nhóm kết quả xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN, năm nay là năm thứ 2 điều chỉnh thành 8 nội dung thành phần, đều quy định ở mức tối đa 1 điểm và không thay đổi tổng điểm đánh giá. Mặc dù kết quả xử lý hành vi khác vi phạm về PCTN đạt 31,53% so với yêu cầu thấp hơn so với mức trung bình (50%) nhưng lại cao hơn và bằng 118% của năm 2023 (đạt 26,62% so với yêu cầu). Vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng đạt mức rất thấp, đạt 1,59% và bằng ½ so với năm 2023 (3%). Đây là dấu hiệu rất tích cực vì hầu như không có địa phương nào để xảy ra tình trạng này. Tương tự các năm trước, nội dung đánh giá này chủ yếu tập trung vào vi phạm quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn (đạt 67,07%) và vi phạm quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị (đạt 69,84%) gần như tương đương với các năm trước cho thấy chưa có sự chuyển biến, quan tâm đúng mức của lãnh đạo ở địa phương.

Điểm đánh giá xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN năm 2024

Tiêu chí	Thang điểm	Điểm trung bình	Tỷ lệ đáp ứng
Tiêu chí C.3 - Kết quả xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN	8	2.52	31.53%
C.3.1. Kết quả xử lý vi phạm trong thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức đơn vị	1	0.25	25.40%
C.3.2. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	1	0.67	67.07%
C.3.3. Kết quả xử lý vi phạm quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị	1	0.7	69.84%
C.3.4. Kết quả xử lý vi phạm quy định về xung đột lợi ích	1	0.33	33.33%
C.3.5. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác	1	0.13	12.70%
C.3.6. Kết quả xử lý vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng	1	0.02	1.59%
C.3.7. Kết quả xử lý hành vi vi phạm đối với người kê khai TSTN và xử lý hành vi vi phạm khác trong kiểm soát TSTN	1	0.31	31.22%
C.3.8. Kết quả xử lý hành vi vi phạm khác trong kiểm soát TSTN	1	0.11	11.11%

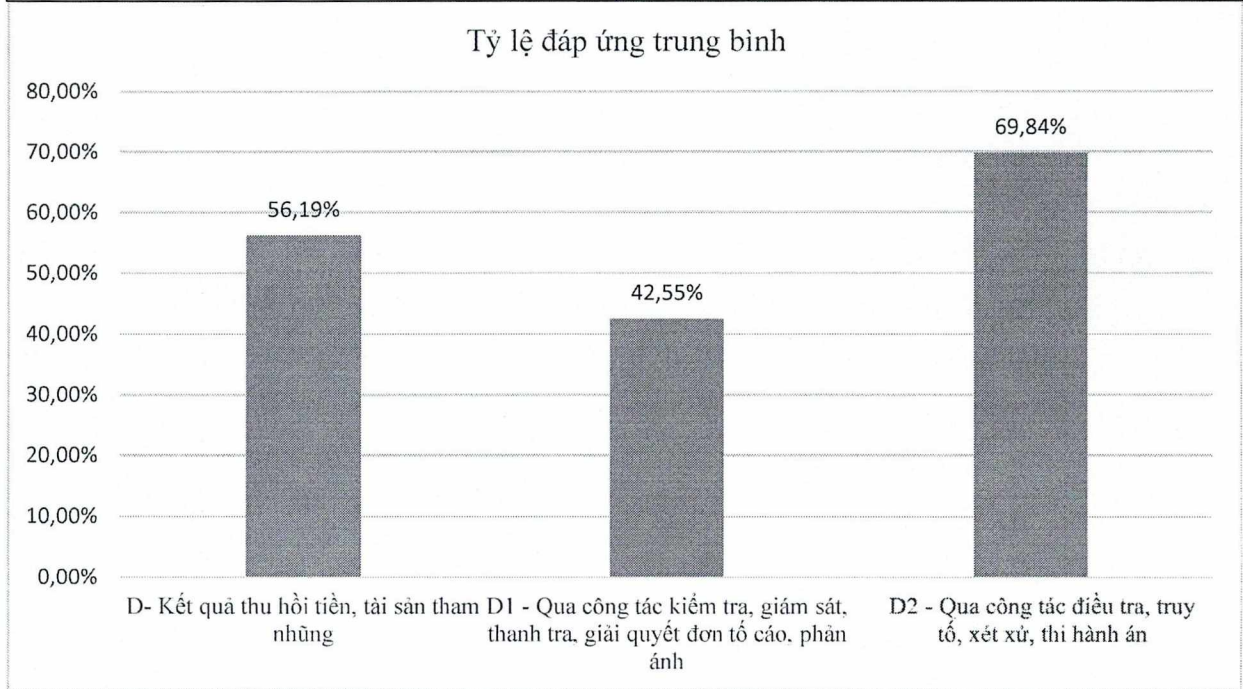
4. Phần D - Đánh giá việc thu hồi tài sản tham nhũng

Kết quả công tác thu hồi tài sản tham nhũng năm 2024 đạt trung bình 5.62/10 điểm, tương đương 56,19% yêu cầu. Điểm này có phần cao hơn năm 2023 (trung bình 5.57/10 điểm, tương đương 55,75% yêu cầu), tuy nhiên vẫn thấp hơn so với các năm 2020, 2021 (Năm 2021 đạt 6.03/10 điểm, năm 2020 đạt 5.70/10 điểm).

Điểm đánh giá thu hồi tiền tài sản tham nhũng năm 2024

Tiêu chí	Thang điểm	Điểm cao nhất - thấp nhất	Điểm trung bình	Tỷ lệ đáp ứng trung bình
D. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THU HỒI TIỀN, TÀI SẢN THAM NHƯNG	10	10 - 1.6	5.62	56,19%
D.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản TN qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh	5	5 - 0	2.13	42,55%
D.1.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản TN qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra	3	3 - 0	1.51	50,17%
D.1.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản TN qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh	2	2 - 0	0.62	31,13%

D.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản TN qua công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án	5	5 - 1.6	3.49	69,84%
D.2.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản TN qua công tác điều tra, truy tố, xét xử	2.5	2.5 - 0.00	1.86	74,44%
D.2.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản TN qua công tác thi hành án	2,5	2.5 - 0.00	1.63	65,23%



Điểm thành phần của kết quả đánh giá việc thu hồi tiền, tài sản tham nhũng năm 2024: Thu hồi qua kiểm tra, giám sát, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh đạt 42,55%, giảm 5,24% so với năm 2023; Thu hồi qua công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đạt 69,84 %, tăng thêm 6,12% so với năm 2023.

Công tác thu hồi tiền, tài sản tham nhũng là nội dung khó khăn, phức tạp, việc thu hồi tài sản tham nhũng vẫn chưa đạt yêu cầu như kỳ vọng. Qua nhiều năm đánh giá nội dung này, điểm của nội dung thu hồi tiền, tài sản tham nhũng vẫn là công tác chưa thực sự có kết quả tích cực; kết quả đánh giá năm 2024 về thu hồi tiền, tài sản tham nhũng, có 34 tỉnh, thành phố chỉ đạt từ 50% yêu cầu thu hồi trở lên, trong đó chỉ có 02 tỉnh Bắc Kạn và Ninh Thuận đạt tỷ lệ thu hồi 100% (riêng tỉnh Bắc Kạn 02 năm liên tiếp 2023, 2024 đạt 100%)

5. Phần Đ. Trừ điểm công tác PCTN năm 2024

Tại Chỉ thị số 50-CT/TW, ngày 07/12/2015 của Bộ Chính trị về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng” đã nêu bật vai trò của người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, nhà nước, đoàn thể, cơ quan, đơn vị trong công tác PCTN là phải gương mẫu thực hiện và có trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo công tác PCTN; chủ động tự phát hiện vụ việc có dấu hiệu tham nhũng trong tổ chức, cơ quan, đơn vị, địa phương mình. Theo đó, Chỉ thị số

50-CT/TW đã chỉ rõ: “...*Kết quả công tác PCTN là thước đo đánh giá phẩm chất, năng lực, trách nhiệm và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu*”. Đồng thời, Chỉ thị số 50-CT/TW cũng đặc biệt nhấn mạnh: “*Xử lý kịp thời, nghiêm minh người đứng đầu để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình trực tiếp lãnh đạo, quản lý nhưng không chủ động phát hiện, xử lý, nhất là đối với trường hợp bao che, ngăn cản việc phát hiện, xử lý tham nhũng*”.

Những năm trước đây, có thực tế: Kết quả đánh giá công tác PCTN tại một số địa phương đạt ở mức khá cao, nhưng đồng thời tại địa phương đó, có một hoặc một số lãnh đạo UBND cấp tỉnh bị kỷ luật do suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, vi phạm quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; vi phạm trong công tác PCTN, lãng phí, tiêu cực; đồng thời vi phạm quy định về những điều đảng viên không được làm và trách nhiệm nêu gương, gây hậu quả nghiêm trọng, tạo dư luận bức xúc, ảnh hưởng xấu đến uy tín của tổ chức đảng và địa phương. Việc đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh nếu chỉ đánh giá việc triển khai, thực hiện của các Sở, ban, ngành mà chưa tính đến vai trò, sự nêu gương của tập thể lãnh đạo, của người đứng đầu thì việc đánh giá công tác PCTN chưa thực sự phản ánh đầy đủ, chưa thực sự sát với thực tiễn.

Tiếp thu triệt để Chỉ thị số 50-CT/TW và xuất phát từ thực tế nêu trên, Bộ chỉ số đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh năm 2024 đưa nội dung đánh giá vai trò gương mẫu, đi đầu của tổ chức đảng cấp tỉnh (gồm Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Cán sự đảng UBND tỉnh) và trực tiếp cá nhân các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của địa phương (gồm Bí thư, Phó Bí thư; Chủ tịch UBND và Phó Chủ tịch UBND); phải chịu trách nhiệm khi để xảy ra tình trạng tham nhũng, tiêu cực đến mức bị xử lý, kỷ luật.

Mức đánh giá được thể hiện qua điểm trừ, theo từng mức độ kỷ luật. Cụ thể đối với (1) tổ chức đảng cấp tỉnh, nếu bị kỷ luật mức khiển trách sẽ bị trừ 3 điểm, mức cảnh cáo sẽ bị trừ 4 điểm (tối đa); đối với (2) người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu lần lượt tính điểm trừ từ mức kỷ luật khiển trách 1 điểm, cảnh cáo trừ 2 điểm, cách chức trừ 3 điểm và bị xử lý hình sự hoặc bị khai trừ, mức trừ trừ tối đa 4 điểm. Tổng cộng phần này thang điểm trừ tối đa là 8 điểm.

Ngoài ra, Bộ Chỉ số đánh giá công tác PCTN năm 2024 cũng đánh giá việc kịp thời tổ chức, triển khai tự đánh giá công tác PCTN tại địa phương mình, xây dựng báo cáo và chuẩn bị tài liệu minh chứng đầy đủ, báo cáo Thanh tra Chính phủ đúng thời hạn quy định. Trường hợp địa phương nộp Báo cáo tự đánh giá nhưng chậm nộp tài liệu minh chứng sẽ bị trừ 1 điểm, và nếu chậm nộp Tài liệu minh chứng sẽ bị trừ thêm 1 điểm, thang điểm trừ phần này tối đa là 2 điểm.

Qua đánh giá, năm 2024 có 26 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, chiếm

hơn 41% địa phương trong toàn quốc bị trừ từ 01 đến 10 điểm, trong đó mức cao nhất là Lâm Đồng, bị trừ 10 điểm, gồm: Trừ 4 điểm do Tổ chức đảng bị xử lý kỷ luật mức cảnh cáo; trừ 4 điểm do người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý hình sự và trừ 2 điểm do nộp Báo cáo tự đánh giá, Tài liệu minh chứng chậm so với toàn quốc. Trong 26 địa phương vừa nêu ở trên, có 22 địa phương bị trừ do tổ chức đảng bị xử lý kỷ luật hoặc người đứng đầu bị xử lý kỷ luật, trong đó 7 địa phương (chiếm hơn 11% địa phương trên toàn quốc) bị trừ điểm ở mức tối đa là 8 điểm (Lâm Đồng, An Giang, Bắc Giang, Bắc Ninh, Phú Thọ, Quảng Ngãi, Vĩnh Phúc). Có 6 địa phương bị trừ điểm do nộp chậm Báo cáo tự đánh giá hoặc Tài liệu minh chứng (Lâm Đồng, Bình Phước, Hải Phòng, Kon Tum, Hậu Giang, Bà Rịa-Vũng Tàu).

Việc áp dụng trừ điểm trong công tác đánh giá PCTN tại địa phương là cách nhìn nhận thực tiễn, vừa phản ánh nỗ lực, quyết tâm phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực ở nhiều địa phương, đồng thời cũng phản ánh rõ rệt sự không khoan nhượng, không có vùng cấm, không ngừng nghỉ của Đảng, Nhà nước trong phát hiện, xử lý hành vi tham nhũng.

PHẦN III

ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ KIẾN NGHỊ

I. Đánh giá chung

Đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh năm 2024 tiếp tục được tổ chức thực hiện theo quy định của Luật PCTN năm 2018 và Nghị định 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định 134/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ. Bộ Chỉ số đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh năm 2024 được kế thừa cơ bản về cơ cấu, thành phần, tiêu chí đánh giá của Bộ chỉ số năm 2023; có sự bổ sung, điều chỉnh một số tiêu chí thành phần, phương pháp tính điểm để đánh giá sát hơn công tác PCTN của các tỉnh, thành phố, trong đó bổ sung một số tiêu chí trừ điểm công tác PCTN năm 2024, để đánh giá sự gương mẫu đối với tập thể, cá nhân người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cấp tỉnh trong công tác PCTN. Tài liệu hướng dẫn đánh giá công tác PCTN năm 2024 tiếp tục điều chỉnh, hoàn thiện để các địa phương dễ hiểu, dễ triển khai thực hiện. Nhìn chung, điểm đánh giá công tác PCTN năm 2024 tăng hơn so với các năm trước đây. Điểm trung bình công tác PCTN cấp tỉnh đạt 71.72 điểm, là điểm trung bình cao nhất kể từ năm 2016 đến nay, cho thấy những nỗ lực, sự quyết tâm mạnh mẽ, đẩy mạnh của cả hệ thống chính trị trong phòng, chống tham nhũng năm qua đã đạt hiệu quả tích cực, có bước tiến mới ở địa phương nhất là kể từ khi thành lập Ban Chỉ đạo Phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực cấp tỉnh.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN của các địa phương trên cả nước tiếp tục được triển khai tốt, đáp ứng yêu cầu cao nhất trong công tác PCTN (đạt 93,65% so với yêu cầu). Tổ chức thực hiện các giải pháp phòng ngừa tham nhũng trong khu vực nhà nước vẫn được cấp tỉnh thực hiện tốt; các biện pháp phòng ngừa tiếp tục phát huy hiệu quả như: (1) Công khai minh bạch, (2) Cải cách hành chính, (3) Thực hiện chế độ, định mức, tiêu chuẩn, (4) Thực hiện chuyển đổi số, (5) Chuyển đổi vị trí công tác, (6) Thực hiện kiểm soát tài sản thu nhập và (7) Thực hiện thanh toán không sử dụng tiền mặt. Kết quả phát hiện và xử lý tham nhũng liên tục có xu hướng cải thiện từ năm 2020 đến năm 2024, trong đó năm 2024 đạt mức điểm trung bình cao nhất kể từ khi Luật PCTN năm 2018 có hiệu lực. Thu hồi tài sản tham nhũng năm 2024 tại cấp tỉnh đạt 56,19% yêu cầu, hiệu quả hơn so với năm 2023 (đạt 55,76% yêu cầu).

II. Một số tồn tại

Bên cạnh những kết quả tích cực, năm 2024 công tác PCTN cấp tỉnh vẫn còn một số tồn tại như sau:

Một số tỉnh, thành phố có điểm đánh giá công tác PCTN chưa cao, phản ánh

việc tổ chức thực hiện công tác PCTN của các địa phương này chưa có sự tiến triển đáng kể¹⁶. Một số tỉnh, thành phố vẫn chậm nộp báo cáo tự đánh giá công tác PCTN của địa phương mình¹⁷ làm ảnh hưởng tiến độ đánh giá chung của cả nước.

Một số tỉnh, thành phố chưa quan tâm, tổ chức triển khai thực hiện quyết liệt các biện pháp: Xử lý xung đột lợi ích trong nội bộ các cơ, quan, tổ chức, đơn vị; tiếp nhận phản ánh, xử lý vi phạm theo Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc; phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước. Phát hiện tham nhũng qua hoạt động giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm tra nội bộ của các địa phương đạt hiệu quả chưa cao. Xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN vẫn là khâu yếu của các địa phương; thu hồi tiền, tài sản tham nhũng tiến triển chưa nhiều.

Khoảng cách chênh lệch điểm giữa địa phương có số điểm cao nhất và thấp nhất tiếp tục xa hơn những năm trước, cho thấy còn một số địa phương tuy có nỗ lực nhưng chưa thực sự tiến bộ trong công tác PCTN, đặc biệt trong nội dung phát hiện, xử lý và thu hồi tài sản tham nhũng.

III. Kiến nghị

1. Về công tác PCTN

Các tỉnh, thành phố sau khi sắp xếp từ 63 tỉnh thành 34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp, phải tiếp tục nâng cao trách nhiệm của lãnh đạo cấp tỉnh, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị tại địa phương trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nghiêm túc các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về PCTN, nhất là sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về công tác PCTNLPTC. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, kiên quyết chấn chỉnh, xử lý tình trạng làm việc cầm chừng, né tránh, đùn đẩy, sợ sai không dám làm trong cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở. Đối với các tỉnh sáp nhập mới, sớm kiện toàn Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về công tác PCTNLPTC tiếp tục chỉ đạo cấp ủy, chính quyền và người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị tại địa phương để công tác PCTN ngày càng hiệu quả hơn, gắn với phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, an toàn, trật tự xã hội trong giai đoạn mới của đất nước.

¹⁶ Các tỉnh: Bắc Giang, Tuyên Quang, Gia Lai, Bình Dương...

¹⁷ Hải Phòng, Kon Tum, Lâm Đồng, Bình Phước chậm nộp báo cáo tự đánh giá công tác PCTN.

- Sớm hoàn thiện thể chế PCTNTC theo chủ trương lãnh đạo của Đảng, nhất là khẩn trương ban hành các nghị định và thông tư hướng dẫn thi hành, tạo hành lang pháp lý đầy đủ để tổ chức thực hiện hiệu quả PCTNTC thời gian tới.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về PCTN, phát huy vai trò của xã hội và người dân; nâng cao vai trò giám sát và chất lượng các cuộc giám sát trong việc phát hiện tham nhũng và thu hồi tài sản tham nhũng, việc thực hiện các giải pháp phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi tham nhũng. Trong đó quan tâm, khắc phục những giải pháp phòng ngừa tham nhũng hiện nay nhiều tỉnh, thành phố còn tổ chức thực hiện chưa tốt, như tổ chức rà soát xử lý xung đột lợi ích trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; áp dụng các quy định về PCTN đối với khu vực ngoài Nhà nước. Kiên trì xây dựng văn hóa liêm chính, không tham nhũng, tiêu cực trong cán bộ, đảng viên.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra nhằm phòng ngừa, phát hiện hành vi tham nhũng; tiếp tục thực hiện nghiêm Chỉ thị số 50-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng và Chỉ thị 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc; nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan thanh tra trong việc phát hiện hành vi tham nhũng; đẩy mạnh thực hiện cơ chế bảo vệ người tố cáo, phát huy cơ chế khen thưởng người có thành tích trong tố cáo hành vi tham nhũng để khuyến khích người dân, xã hội, các cơ quan báo chí, doanh nghiệp cùng chung tay với nhà nước trong công tác PCTN.

- Xử lý nghiêm theo quy định của Đảng, Nhà nước đối với các vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực; xử lý trách nhiệm người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan đơn vị để xảy ra tham nhũng. Bên cạnh các biện pháp xử lý nghiêm minh và kịp thời, các địa phương cũng cần sự phối hợp giữa các biện pháp hành chính và các biện pháp tư pháp để nâng cao hiệu quả thu hồi tài sản tham nhũng qua các biện pháp thi hành án; triển khai thực hiện các giải pháp đã đề ra tại Chỉ thị số 04-CT/TW ngày 02/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế.

2. Về việc tổ chức đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh năm 2024

Thanh tra Chính phủ khuyến nghị các địa phương cần có những sự chuẩn bị cần thiết để việc đánh giá các năm sau được tốt hơn, cụ thể:

- Thông qua kết quả đánh giá PACA 2024, các địa phương cần đặc biệt tăng

cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực sự quan tâm đối với đánh giá công tác PCTN của địa phương mình; tổ chức tổng kết, rút kinh nghiệm từ đó khuyến khích, phát huy những nội dung có kết quả tích cực; có giải pháp khắc phục những nội dung còn hạn chế để đạt kết quả tốt hơn. Bố trí nguồn lực phù hợp, tương xứng, nâng cao hiệu quả công tác đánh giá công tác PCTN tại địa phương.

- Tăng cường phối kết hợp với Thanh tra Chính phủ (qua Cục Phòng, Chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực) trong việc trao đổi thông tin, tháo gỡ vướng mắc; chủ động tập huấn cho cán bộ trực tiếp thực hiện công tác đánh giá tại địa phương để có thể nắm vững cách thức đánh giá, qua đó nâng cao hiệu quả công tác đánh giá PCTN tại địa phương mình./.

THANH TRA CHÍNH PHỦ

BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ
CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG CẤP TỈNH NĂM 2024
(Ban hành kèm theo Quyết định số 29/QĐ-TTCP ngày 13 tháng 02 năm 2025
của Tổng Thanh tra Chính phủ)

TÊN TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Điểm
TỔNG ĐIỂM: PHẦN A (20) + PHẦN B (30) + PHẦN C (40) + PHẦN D (10)	100
A. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PCTN	20
A.1. Đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTN	5
A.1.1. Chỉ đạo thực hiện các văn bản về PCTN năm 2024 của các cơ quan ở TW	1
A.1.2. Ban hành kế hoạch PCTN năm 2024	1
A.1.3. Nội dung kế hoạch PCTN năm 2024	3
A.2. Đánh giá việc các sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh thực hiện kế hoạch PCTN của cấp tỉnh năm 2024	15
A.2.1. Thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	4
A.2.2. Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN	4
A.2.3. Thực hiện việc kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	1
A.2.4. Tiếp công dân theo Luật Tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	2
A.2.5. Tiếp công dân theo Luật Tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp huyện	1,5
A.2.6. Tiếp công dân theo Luật Tiếp công dân của Người đứng đầu Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh	1,5
A.2.7. Việc chỉ đạo của Chủ tịch UBND cấp tỉnh xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng; kiến nghị, đề nghị bảo vệ người tố cáo tham nhũng.	1
B. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG	30
B.1. Phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước	27
B.1.1. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch theo quy định của Luật PCTN 2018	6
B.1.2. Kết quả thực hiện cải cách hành chính (PAR năm 2024)	1
B.1.3. Kết quả thực hiện chuyển đổi số cấp tỉnh năm 2024	1
B.1.4. Kết quả thực hiện Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025	1



B.1.5. Kết quả thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn (ĐM, CD, TC)	2
B.1.6. Kết quả thực hiện kiểm soát xung đột lợi ích (XDLI)	3
B.1.7. Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức	2
B.1.8. Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử	1
B.1.9. Kết quả thực hiện kiểm soát tài sản, thu nhập (TSTN)	5
B.1.10. Kết quả thực hiện Chỉ thị 10/TTg ngày 22/4/2019 của TTg CP Về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc (Chỉ thị 10)	5
B.2. Công tác phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước Bao gồm: (1) Công ty đại chúng, (2) tổ chức tín dụng và (3) tổ chức XH do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc phê duyệt điều lệ có huy động khoản đóng góp của Nhân dân để hoạt động từ thiện trên địa bàn tỉnh. (Doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước trên địa bàn tỉnh được xác định theo Khoản 3, Điều 59 của Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng).	3
B.2.1. UBND cấp tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn, đôn đốc, yêu cầu báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước	1
B.2.2. Kết quả thực hiện pháp luật PCTN của doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước.	2
C. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ THAM NHŨNG	40
C.1. Việc phát hiện hành vi tham nhũng	12
C.1.1. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua kiểm tra, thanh tra, giám sát.	3
C.1.2. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua phản ánh, tố cáo.	2
C.1.3. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua điều tra.	7
C.2. Việc xử lý tham nhũng	20
C.2.1. Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức, cá nhân do để xảy ra tham nhũng.	5
C.2.2. Kết quả xử lý hình sự người có hành vi tham nhũng	7,5
C.2.3. Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào mức độ của vụ việc tham nhũng.	7,5
C.3. Kết quả xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN	8
C.3.1. Kết quả xử lý vi phạm trong thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức đơn vị (Điều 81 - Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1
C.3.2. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn (Điều 82 - Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1

C.3.3. Kết quả xử lý vi phạm quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị (Điều 83 - Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1
C.3.4. Kết quả xử lý vi phạm quy định về xung đột lợi ích (Điều 84 - Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1
C.3.5. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác (Khoản 2 – Điều 94 Luật PCTN)	1
C.3.6. Kết quả xử lý vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng (Điều 85 - Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1
C.3.7. Kết quả xử lý hành vi vi phạm đối với người kê khai TSTN (Điều 20- Nghị định 130/2020/NĐ-CP)	1
C.3.8. Kết quả xử lý hành vi vi phạm khác trong kiểm soát TSTN (Điều 21- Nghị định 130/2020/NĐ-CP)	1
D. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THU HỒI TIỀN, TÀI SẢN THAM NHƯNG	10
D.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh	5
D.1.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua kiểm tra, giám sát, thanh tra	3
D.1.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua giải quyết đơn tố cáo, phản ánh	2
D.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án	5
D.2.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử	2,5
D.2.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác thi hành án	2,5
Đ. TRỪ ĐIỂM CÔNG TÁC PCTN NĂM 2024	- 10
TĐ.1. Việc chậm nộp báo cáo tự đánh giá công tác PCTN năm 2024	-2
TĐ.2. Năm 2024, Tổ chức cấp tỉnh bị kỷ luật do để xảy ra tham nhũng, tiêu cực	-4
TĐ.3. Năm 2024, Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cấp tỉnh bị xử lý do để xảy ra tham nhũng, tiêu cực.	-4

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PCTN NĂM 2024 CỦA CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

TT	TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG	ĐIỂM TỰ ĐÁNH GIÁ	ĐIỂM SAU RÀ SOÁT CỦA TTCP					
			TỔNG ĐIỂM SAU RÀ SOÁT CỦA TTCP	ĐÁNH GIÁ VIỆC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PCTN	ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG	ĐÁNH GIÁ VIỆC PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ THAM NHŨNG	ĐÁNH GIÁ VIỆC THU HỒI TÀI SẢN THAM NHŨNG	TRỪ ĐIỂM CÔNG TÁC PCTN NĂM 2024 <i>(Do tập thể, cá nhân cấp tỉnh bị xử lý kỷ luật do tham nhũng và chậm nộp báo cáo)</i>
				A+B+C +D+Đ	A	B	C	D
1	Hưng Yên	96.00	83.74	17.00	24.89	32.00	9.85	0
2	TP.Hồ Chí Minh	89.07	83.59	18.05	29.36	32.65	7.53	-4
3	Nghệ An	84.38	81.83	19.71	27.73	27.25	7.14	0
4	TP.Cần Thơ	83.88	80.96	18.55	28.79	25.52	8.10	0
5	TP.Hà Nội	88.04	80.93	18.67	27.34	27.79	7.13	0
6	Cà Mau	85.12	80.00	19.30	29.18	23.63	7.89	0
7	Tiền Giang	90.00	79.97	20.00	27.84	23.26	8.87	0
8	Sóc Trăng	86.39	79.77	20.00	29.05	23.65	8.07	-1
9	Khánh Hòa	82.74	79.74	19.89	23.82	28.40	7.63	0
10	Quảng Ninh	92.45	79.66	19.67	26.46	31.90	7.63	-6
11	Thái Nguyên	81.16	79.51	19.66	25.72	27.73	6.40	0
12	TP. Hải Phòng	82.00	78.90	20.00	26.08	31.74	3.08	-2
13	Bến Tre	82.33	77.33	19.00	28.86	29.90	3.57	-4
14	Hà Tĩnh	79.27	77.30	19.00	24.27	25.30	8.74	0
15	Thái Bình	82.92	77.27	20.00	28.86	18.76	9.65	0
16	Đắk Nông	87.68	77.20	19.30	26.21	22.37	9.32	0
17	Thanh Hóa	83.01	77.01	19.50	25.79	32.40	3.32	-4
18	Quảng Nam	80.83	76.39	16.83	24.62	27.95	6.99	0
19	Đồng Nai	79.69	75.75	19.00	24.45	28.98	3.32	0

20	Nam Định	75.52	75.41	20.00	27.08	26.05	2.28	0
21	Hải Dương	75.59	75.39	19.63	23.98	27.36	4.42	0
22	Vĩnh Long	80.93	75.35	19.07	25.93	21.17	9.18	0
23	Lạng Sơn	79.94	75.34	18.21	24.56	23.07	9.50	0
24	Quảng Ngãi	85.69	74.95	19.00	29.01	29.94	5.00	-8
25	Hòa Bình	77.40	74.92	18.25	22.88	29.63	4.16	0
26	Ninh Thuận	81.36	74.86	20.00	25.86	23.00	10.00	-4
27	Kiên Giang	75.98	73.76	17.79	21.63	24.88	9.46	0
28	Trà Vinh	88.64	73.34	18.83	25.55	22.22	6.74	0
29	Hậu Giang	81.86	73.30	19.81	24.52	22.00	7.97	-1
30	Lai Châu	78.02	73.26	19.85	23.83	24.83	4.75	0
31	Đắk Lắk	78.37	72.37	20.00	29.87	21.50	5.00	-4
32	Bắc Kạn	79.49	72.02	13.14	24.88	24.00	10.00	0
33	TP. Huế	72.03	71.71	19.67	21.38	23.95	6.71	0
34	Quảng Bình	74.42	71.41	18.14	26.67	22.20	4.40	0
35	Bắc Ninh	87.49	71.38	20.00	28.88	22.39	8.11	-8
36	Sơn La	74.17	71.33	19.66	24.40	23.10	4.17	0
37	Phú Yên	73.52	71.02	18.77	27.75	17.38	7.12	0
38	Long An	79.02	70.45	17.00	28.29	22.06	5.10	-2
39	Đồng Tháp	77.71	70.16	18.96	28.70	20.00	2.50	0
40	Lào Cai	70.37	69.63	18.66	27.43	21.15	2.39	0
41	TP. Đà Nẵng	67.42	69.27	20.00	24.85	22.06	2.36	0
42	Bà Rịa - Vũng Tàu	75.74	68.56	19.82	21.93	28.18	3.63	-5
43	Phú Thọ	85.00	68.52	19.62	28.40	21.50	7.00	-8
44	Yên Bái	70.77	68.37	18.57	24.90	22.53	2.37	0
45	Ninh Bình	68.30	68.30	19.64	21.84	22.10	4.72	0
46	Bình Định	71.05	68.29	19.79	24.29	21.52	2.69	0
47	Điện Biên	70.48	68.24	19.00	25.64	22.00	1.60	0
48	Bạc Liêu	72.70	68.07	16.95	26.98	21.70	2.44	0
49	Hà Giang	76.09	68.07	18.27	23.71	27.58	4.50	-6
50	Bình Thuận	73.31	67.99	17.94	27.78	21.27	5.00	-4
51	Vĩnh Phúc	79.31	67.66	19.43	25.87	23.63	6.73	-8
52	Quảng Trị	68.67	67.34	18.67	24.87	21.50	2.30	0
53	Cao Bằng	70.55	67.06	16.75	26.10	19.65	4.56	0
54	Kon Tum	68.71	66.71	18.34	24.87	22.16	3.34	-2
55	Gia Lai	75.29	66.12	19.83	28.00	16.46	5.83	-4

56	Hà Nam	71.91	64.24	18.33	24.67	20.74	2.50	-2
57	Bình Phước	69.03	65.23	17.38	23.82	21.84	4.19	-2
58	Tuyên Quang	64.72	58.69	17.94	24.25	18.74	3.76	-6
59	Bình Dương	70.34	58.65	16.01	24.99	17.69	2.96	-3
60	Tây Ninh	58.45	58.20	19.00	24.20	12.50	2.50	0
61	An Giang	72.26	56.55	16.21	23.62	19.35	5.37	-8
62	Lâm Đồng	66.43	55.60	17.88	23.47	17.20	7.05	-10
63	Bắc Giang	63.78	54.30	19.00	22.56	17.30	3.44	-8

PHỤ LỤC 2:

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VIỆC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, XÂY DỰNG VÀ HOÀN HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PCTN

	TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG	A. ĐÁNH GIÁ VIỆC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PCTN	A.1. Đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTN:	A.1.1. Triển khai thực hiện các văn bản năm 2024 của các cơ quan ở TW về PCTN	A.1.2. Ban hành kế hoạch PCTN năm 2024	A.1.3. Nội dung kế hoạch PCTN năm 2024	A.2. Đánh giá việc các sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh thực hiện kế hoạch PCTN của cấp tỉnh	A.2.1. Thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	A.2.2. Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN.	A.2.3. Thực hiện việc kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	A.2.4. Tiếp công dân theo quy định của Luật tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	A.2.5. Tiếp công dân theo quy định của Luật tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp huyện	A.2.6. Tiếp công dân theo quy định của Luật tiếp công dân của Người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp Tỉnh	A.2.7. Việc chỉ đạo của Chủ tịch UBND cấp tỉnh xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham những.
TT	Thang điểm	20.00	5.00	1.00	1.00	3.00	15.00	4.00	4.00	1.00	2.00	1.50	1.50	1.00
1	Bắc Ninh	20.00	5.00	1.00	1.00	3.00	15.00	4.00	4.00	1.00	2.00	1.50	1.50	1.00
2	Đà Nẵng	20.00	5.00	1.00	1.00	3.00	15.00	4.00	4.00	1.00	2.00	1.50	1.50	1.00
3	Đắk Lắk	20.00	5.00	1.00	1.00	3.00	15.00	4.00	4.00	1.00	2.00	1.50	1.50	1.00
4	Hải Phòng	20.00	5.00	1.00	1.00	3.00	15.00	4.00	4.00	1.00	2.00	1.50	1.50	1.00
5	Nam Định	20.00	5.00	1.00	1.00	3.00	15.00	4.00	4.00	1.00	2.00	1.50	1.50	1.00
6	Ninh Thuận	20.00	5.00	1.00	1.00	3.00	15.00	4.00	4.00	1.00	2.00	1.50	1.50	1.00
7	Sóc Trăng	20.00	5.00	1.00	1.00	3.00	15.00	4.00	4.00	1.00	2.00	1.50	1.50	1.00
8	Tiền Giang	20.00	5.00	1.00	1.00	3.00	15.00	4.00	4.00	1.00	2.00	1.50	1.50	1.00
9	Thái Bình	20.00	5.00	1.00	1.00	3.00	15.00	4.00	4.00	1.00	2.00	1.50	1.50	1.00
10	Khánh Hòa	19.89	5.00	1.00	1.00	3.00	14.89	4.00	4.00	0.97	2.00	1.50	1.42	1.00
11	Lai Châu	19.85	5.00	1.00	1.00	3.00	14.85	4.00	4.00	0.85	2.00	1.50	1.50	1.00
12	Gia Lai	19.83	5.00	1.00	1.00	3.00	14.83	4.00	4.00	1.00	1.83	1.50	1.50	1.00

13	Bà Rịa - Vũng Tàu	19.82	5.00	1.00	1.00	3.00	14.82	4.00	4.00	0.82	2.00	1.50	1.50	1.00
14	Hậu Giang	19.81	5.00	1.00	1.00	3.00	14.81	4.00	4.00	1.00	2.00	1.31	1.50	1.00
15	Bình Định	19.79	5.00	1.00	1.00	3.00	14.79	4.00	4.00	1.00	2.00	1.47	1.32	1.00
16	Nghệ An	19.71	5.00	1.00	1.00	3.00	14.71	4.00	4.00	1.00	2.00	1.50	1.21	1.00
17	Thành phố Huế	19.67	5.00	1.00	1.00	3.00	14.67	4.00	4.00	1.00	2.00	1.17	1.50	1.00
18	Quảng Ninh	19.67	5.00	1.00	1.00	3.00	14.67	4.00	4.00	1.00	1.67	1.50	1.50	1.00
19	Sơn La	19.66	5.00	1.00	1.00	3.00	14.66	4.00	4.00	1.00	1.66	1.50	1.50	1.00
20	Thái Nguyên	19.66	5.00	1.00	1.00	3.00	14.66	4.00	3.97	0.86	1.83	1.50	1.50	1.00
21	Ninh Bình	19.64	5.00	1.00	1.00	3.00	14.64	3.64	4.00	1.00	2.00	1.50	1.50	1.00
22	Hải Dương	19.63	4.80	0.80	1.00	3.00	14.83	4.00	4.00	1.00	1.83	1.50	1.50	1.00
23	Phú Thọ	19.62	5.00	1.00	1.00	3.00	14.62	3.83	3.79	1.00	2.00	1.50	1.50	1.00
24	Thanh Hóa	19.50	5.00	1.00	1.00	3.00	14.50	4.00	4.00	1.00	2.00	1.50	1.00	1.00
25	Vĩnh Phúc	19.43	5.00	1.00	1.00	3.00	14.43	4.00	4.00	0.93	1.50	1.50	1.50	1.00
26	Cà Mau	19.30	5.00	1.00	1.00	3.00	14.30	4.00	4.00	1.00	1.66	1.50	1.14	1.00
27	Đắk Nông	19.30	5.00	1.00	1.00	3.00	14.30	4.00	4.00	1.00	1.67	1.13	1.50	1.00
28	Vĩnh Long	19.07	5.00	1.00	1.00	3.00	14.07	3.23	4.00	1.00	2.00	1.50	1.34	1.00
29	Bắc Giang	19.00	5.00	1.00	1.00	3.00	14.00	4.00	4.00	1.00	2.00	1.50	1.50	-
30	Bến Tre	19.00	5.00	1.00	1.00	3.00	14.00	4.00	4.00	1.00	2.00	1.50	1.50	-
31	Điện Biên	19.00	5.00	1.00	1.00	3.00	14.00	4.00	4.00	1.00	2.00	1.50	1.50	-
32	Đồng Nai	19.00	5.00	1.00	1.00	3.00	14.00	4.00	4.00	1.00	2.00	1.50	1.50	-
33	Hà Tĩnh	19.00	5.00	1.00	1.00	3.00	14.00	4.00	4.00	1.00	2.00	1.50	1.50	-
34	Quảng Ngãi	19.00	5.00	1.00	1.00	3.00	14.00	4.00	4.00	1.00	2.00	1.50	1.50	-
35	Tây Ninh	19.00	5.00	1.00	1.00	3.00	14.00	4.00	4.00	1.00	2.00	1.50	1.50	-
36	Đồng Tháp	18.96	5.00	1.00	1.00	3.00	13.96	4.00	4.00	1.00	1.34	1.37	1.25	1.00
37	Trà Vinh	18.83	4.50	1.00	1.00	2.50	14.33	4.00	4.00	1.00	2.00	1.50	0.83	1.00
38	Phú Yên	18.77	5.00	1.00	1.00	3.00	13.77	4.00	4.00	1.00	1.67	0.67	1.43	1.00

39	Quảng Trị	18.67	5.00	1.00	1.00	3.00	13.67	4.00	4.00	1.00	0.67	1.50	1.50	1.00
40	Hà Nội	18.67	5.00	1.00	1.00	3.00	13.67	4.00	4.00	1.00	0.67	1.50	1.50	1.00
41	Lào Cai	18.66	5.00	1.00	1.00	3.00	13.66	3.91	4.00	1.00	1.50	0.83	1.42	1.00
42	Yên Bái	18.57	5.00	1.00	1.00	3.00	13.57	4.00	4.00	1.00	2.00	0.51	1.06	1.00
43	Cần Thơ	18.55	5.00	1.00	1.00	3.00	13.55	2.55	4.00	1.00	2.00	1.50	1.50	1.00
44	Kon Tum	18.34	5.00	1.00	1.00	3.00	13.34	4.00	4.00	0.96	1.83	1.05	1.50	-
45	Hà Nam	18.33	5.00	1.00	1.00	3.00	13.33	4.00	4.00	1.00	1.33	0.50	1.50	1.00
46	Hà Giang	18.27	5.00	1.00	1.00	3.00	13.27	4.00	4.00	1.00	1.83	1.09	1.35	-
47	Hòa Bình	18.25	5.00	1.00	1.00	3.00	13.25	3.73	4.00	0.85	1.67	1.50	1.50	-
48	Lạng Sơn	18.21	5.00	1.00	1.00	3.00	13.21	4.00	2.88	1.00	1.33	1.50	1.50	1.00
49	Quảng Bình	18.14	5.00	1.00	1.00	3.00	13.14	3.87	4.00	0.94	1.83	-	1.50	1.00
50	Thành phố Hồ Chí Minh	18.05	5.00	1.00	1.00	3.00	13.05	3.95	3.83	0.95	1.83	1.29	1.20	
51	Bình Thuận	17.94	5.00	1.00	1.00	3.00	12.94	3.91	4.00	0.97	0.66	0.90	1.50	1.00
52	Tuyên Quang	17.94	5.00	1.00	1.00	3.00	12.94	4.00	4.00	1.00	1.50	-	1.44	1.00
53	Lâm Đồng	17.88	5.00	1.00	1.00	3.00	12.88	4.00	3.79	0.95	1.17	1.00	0.97	1.00
54	Kiên Giang	17.79	5.00	1.00	1.00	3.00	12.79	3.80	3.67	0.97	2.00	1.20	0.15	1.00
55	Bình Phước	17.38	4.00	1.00	1.00	2.00	13.38	4.00	4.00	1.00	1.83	1.23	1.32	-
56	Hưng Yên	17.00	5.00	1.00	1.00	3.00	12.00	4.00	4.00	1.00	2.00	-	-	1.00
57	Long An	17.00	5.00	1.00	1.00	3.00	12.00	4.00	4.00	1.00	1.50	0.20	0.30	1.00
58	Bạc Liêu	16.95	5.00	1.00	1.00	3.00	11.95	3.75	3.91	1.00	1.33	0.43	0.53	1.00
59	Quảng Nam	16.83	5.00	1.00	1.00	3.00	11.83	4.00	4.00	1.00	1.17	0.25	1.42	-
60	Cao Bằng	16.75	4.90	0.90	1.00	3.00	11.85	4.00	4.00	1.00	-	1.35	1.50	-
61	An Giang	16.21	3.80	0.80	1.00	2.00	12.41	1.95	4.00	1.00	2.00	1.10	1.36	1.00
62	Bình Dương	16.01	4.50	1.00	1.00	2.50	11.51	4.00	4.00	1.00	0.33	0.17	1.01	1.00
63	Bắc Kạn	13.14	5.00	1.00	1.00	3.00	8.14	3.57	1.32	1.00	1.50	-	0.75	-

PHỤ LỤC 3: KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG

	TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG	B. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG	B.1. Công tác phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước	B.1.1. Kết quả thực hiện công khai, minh bach theo quy định của Luật PCTN 2018 trong một số lĩnh vực	B.1.2. Kết quả thực hiện cải cách hành chính (PAR 2024)	B.1.3. Kết quả thực hiện chuyển đổi số cấp tỉnh năm 2024	B.1.4. Kết quả thực hiện Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt	B.1.5. Kết quả thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn	B.1.6. Kết quả kiểm soát xung đột lợi ích (XĐLI)	B.1.7. Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của CB, CC, VC	B.1.8. Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử	B.1.9. Kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập (TSTN)	B.1.10. Kết quả thực hiện Chỉ thị 10/TTg của TTg CP	B.2. Phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước	B.2.1. UBND cấp tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn, đơn đốc, yêu cầu báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng ngừa tham nhũng đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước	B.2.2. Kết quả thực hiện pháp luật PCTN của doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước
TT	Thang điểm	30.00	27.00	6.00	1.00	1.00	1.00	2.00	3.00	2.00	1.00	5.00	5.00	3.00	1.00	2.00
1	Đắk Lắk	29.87	26.87	6.00	0.87	1.00	1.00	2.00	3.00	2.00	1.00	5.00	5.00	3.00	1.00	2.00
2	Thành phố Hồ Chí Minh	29.36	26.36	5.78	0.89	1.00	1.00	2.00	2.99	1.91	0.97	4.82	5.00	3.00	1.00	2.00
3	Cà Mau	29.18	26.18	6.00	0.89	1.00	1.00	1.89	2.40	2.00	1.00	5.00	5.00	3.00	1.00	2.00
4	Sóc Trăng	29.05	26.05	6.00	0.85	1.00	1.00	2.00	2.20	2.00	1.00	5.00	5.00	3.00	1.00	2.00
5	Quảng Ngãi	29.01	26.01	5.58	0.88	1.00	1.00	1.82	2.86	2.00	1.00	5.00	4.87	3.00	1.00	2.00
6	Bắc Ninh	28.88	25.88	6.00	0.88	1.00	1.00	2.00	2.00	2.00	1.00	5.00	5.00	3.00	1.00	2.00
7	Bến Tre	28.86	25.86	6.00	0.86	1.00	1.00	2.00	3.00	2.00	1.00	5.00	4.00	3.00	1.00	2.00
8	Thái Bình	28.86	25.86	5.00	0.86	1.00	1.00	2.00	3.00	2.00	1.00	5.00	5.00	3.00	1.00	2.00
9	Cần Thơ	28.79	25.79	6.00	0.89	1.00	1.00	2.00	2.00	2.00	1.00	4.90	5.00	3.00	1.00	2.00

10	Đồng Tháp	28.70	25.70	6.00	0.87	0.83	1.00	2.00	2.00	2.00	1.00	5.00	5.00	3.00	1.00	2.00
11	Phú Thọ	28.40	25.40	6.00	0.90	1.00	0.50	2.00	2.00	2.00	1.00	5.00	5.00	3.00	1.00	2.00
12	Long An	28.29	25.29	5.43	0.89	1.00	1.00	2.00	2.00	2.00	1.00	5.00	4.97	3.00	1.00	2.00
13	Gia Lai	28.00	25.73	6.00	0.84	0.92	1.00	1.97	2.00	2.00	1.00	5.00	5.00	2.27	1.00	1.27
14	Tiền Giang	27.84	24.84	6.00	0.87	1.00	1.00	1.97	2.00	2.00	1.00	5.00	4.00	3.00	1.00	2.00
15	Bình Thuận	27.78	24.78	5.55	0.88	0.85	1.00	1.78	1.76	1.96	1.00	5.00	5.00	3.00	1.00	2.00
16	Phú Yên	27.75	25.75	6.00	0.88	0.97	1.00	2.00	2.00	1.90	1.00	5.00	5.00	2.00	1.00	1.00
17	Nghệ An	27.73	26.23	6.00	0.89	1.00	1.00	2.00	2.60	1.74	1.00	5.00	5.00	1.50	1.00	0.50
18	Lào Cai	27.43	25.10	5.73	0.84	0.94	1.00	1.91	1.81	2.00	1.00	4.87	5.00	2.33	1.00	1.33
19	Hà Nội	27.34	25.03	6.00	0.93	1.00	1.00	2.00	2.00	2.00	1.00	4.10	5.00	2.31	1.00	1.31
20	Nam Định	27.08	24.80	5.97	0.89	1.00	1.00	2.00	2.00	1.94	1.00	5.00	4.00	2.28	1.00	1.28
21	Bạc Liêu	26.98	24.24	5.43	0.82	0.74	0.50	1.97	1.88	1.97	1.00	4.94	4.99	2.74	1.00	1.74
22	Quảng Bình	26.67	25.67	6.00	0.87	1.00	1.00	2.00	1.86	1.94	1.00	5.00	5.00	1.00	1.00	-
23	Quảng Ninh	26.46	26.42	6.00	0.92	1.00	0.50	2.00	3.00	2.00	1.00	5.00	5.00	0.04	-	0.04
24	Đắk Nông	26.21	23.21	5.95	0.86	1.00	1.00	2.00	2.40	2.00	1.00	5.00	2.00	3.00	1.00	2.00
25	Cao Bằng	26.10	25.10	5.50	0.83	0.97	1.00	2.00	2.00	2.00	1.00	4.80	5.00	1.00	1.00	-
26	Hải Phòng	26.08	23.08	6.00	1.00	0.88	1.00	2.00	2.20	2.00	1.00	5.00	2.00	3.00	1.00	2.00
27	Vĩnh Long	25.93	22.93	6.00	1.00	1.00	1.00	2.00	2.00	2.00	1.00	5.00	1.93	3.00	1.00	2.00
28	Vĩnh Phúc	25.87	22.87	5.86	0.89	1.00	0.50	1.08	1.58	2.00	0.96	5.00	4.00	3.00	1.00	2.00
29	Ninh Thuận	25.86	22.86	6.00	0.86	1.00	1.00	2.00	2.00	2.00	1.00	5.00	2.00	3.00	1.00	2.00
30	Thanh Hóa	25.79	22.79	5.50	0.89	1.00	1.00	2.00	2.40	2.00	1.00	5.00	2.00	3.00	1.00	2.00
31	Thái Nguyên	25.72	24.72	6.00	0.91	1.00	1.00	1.75	2.12	1.94	1.00	5.00	4.00	1.00	1.00	-
32	Điện Biên	25.64	24.64	6.00	0.88	1.00	1.00	2.00	1.76	2.00	1.00	5.00	4.00	1.00	1.00	-
33	Trà Vinh	25.55	22.55	5.83	0.87	0.53	1.00	1.52	2.80	2.00	1.00	5.00	2.00	3.00	1.00	2.00
34	Bình Dương	24.99	22.46	4.66	0.89	1.00	1.00	2.00	-	2.00	1.00	4.91	5.00	2.53	1.00	1.53
35	Yên Bái	24.90	21.90	6.00	0.90	1.00	1.00	2.00	2.00	2.00	1.00	5.00	1.00	3.00	1.00	2.00
36	Hưng Yên	24.89	21.89	6.00	0.89	-	1.00	2.00	2.00	2.00	1.00	5.00	2.00	3.00	1.00	2.00
37	Bắc Kạn	24.88	23.38	6.00	0.84	1.00	1.00	2.00	1.54	2.00	1.00	4.00	4.00	1.50	-	1.50

38	Kon Tum	24.87	23.07	6.00	0.88	1.00	0.50	1.38	2.00	1.97	1.00	3.34	5.00	1.80	1.00	0.80
39	Quảng Trị	24.87	21.87	6.00	0.87	1.00	1.00	2.00	2.00	2.00	1.00	5.00	1.00	3.00	1.00	2.00
40	Đà Nẵng	24.85	21.85	6.00	0.89	0.93	1.00	1.78	2.40	1.85	1.00	5.00	1.00	3.00	1.00	2.00
41	Hà Nam	24.67	21.89	6.00	0.89	1.00	1.00	2.00	2.00	2.00	1.00	5.00	1.00	2.78	1.00	1.78
42	Quảng Nam	24.62	21.62	4.66	0.86	1.00	1.00	2.00	2.20	2.00	1.00	5.00	1.90	3.00	1.00	2.00
43	Lạng Sơn	24.56	21.56	6.00	0.88	0.96	1.00	2.00	2.00	2.00	1.00	4.72	1.00	3.00	1.00	2.00
44	Hậu Giang	24.52	21.52	4.86	0.89	1.00	1.00	1.77	3.00	2.00	1.00	5.00	1.00	3.00	1.00	2.00
45	Đồng Nai	24.45	22.95	3.28	0.91	1.00	1.00	1.56	2.20	2.00	1.00	5.00	5.00	1.50	1.00	0.50
46	Sơn La	24.40	21.40	6.00	0.90	1.00	0.50	2.00	2.00	2.00	1.00	5.00	1.00	3.00	1.00	2.00
47	Bình Định	24.29	23.29	6.00	0.95	1.00	1.00	2.00	2.40	2.00	1.00	5.00	1.94	1.00	1.00	-
48	Hà Tĩnh	24.27	21.89	6.00	0.89	1.00	1.00	2.00	2.00	2.00	1.00	5.00	1.00	2.38	1.00	1.38
49	Tuyên Quang	24.25	21.65	6.00	0.88	0.97	1.00	1.94	2.20	1.66	1.00	5.00	1.00	2.60	1.00	1.60
50	Tây Ninh	24.20	23.04	5.67	0.88	0.92	1.00	1.97	2.60	2.00	1.00	5.00	2.00	1.16	1.00	0.16
51	Hải Dương	23.98	21.88	6.00	0.88	1.00	1.00	2.00	2.00	2.00	1.00	5.00	1.00	2.10	1.00	1.10
52	Lai Châu	23.83	20.83	5.96	0.86	1.00	1.00	0.62	1.70	1.88	1.00	5.00	1.81	3.00	1.00	2.00
53	Bình Phước	23.82	22.82	6.00	0.82	1.00	1.00	2.00	3.00	2.00	1.00	5.00	1.00	1.00	1.00	-
54	Khánh Hòa	23.82	21.32	5.50	0.90	1.00	1.00	1.96	1.96	2.00	1.00	5.00	1.00	2.50	1.00	1.50
55	Hà Giang	23.71	22.71	6.00	0.88	1.00	1.00	2.00	1.97	2.00	1.00	4.97	1.90	1.00	1.00	-
56	An Giang	23.62	21.22	6.00	0.85	-	1.00	1.54	2.00	1.83	1.00	5.00	2.00	2.40	1.00	1.40
57	Lâm Đồng	23.47	22.47	5.55	0.83	0.92	1.00	1.61	1.90	1.81	0.79	3.15	4.91	1.00	1.00	-
58	Hòa Bình	22.88	21.88	6.00	0.88	1.00	1.00	2.00	2.00	2.00	1.00	5.00	1.00	1.00	1.00	-
59	Bắc Giang	22.56	21.04	6.00	0.89	1.00	1.00	1.75	1.40	2.00	1.00	5.00	1.00	1.52	1.00	0.52
60	Bà Rịa - Vũng Tàu	21.93	19.93	6.00	0.93	1.00	1.00	-	2.00	2.00	1.00	5.00	1.00	2.00	1.00	1.00
61	Ninh Bình	21.84	20.84	6.00	0.85	1.00	0.50	2.00	0.49	2.00	1.00	5.00	2.00	1.00	1.00	
62	Kiên Giang	21.63	19.49	5.49	0.88	0.18	1.00	1.64	1.91	1.88	0.57	4.94	1.00	2.14	1.00	1.14
63	Thành phố Huế	21.38	19.58	5.41	0.91	1.00	1.00	1.90	1.00	1.36	1.00	5.00	1.00	1.80	1.00	0.80

PHỤ LỤC 4: KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VIỆC PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ THAM NHŨNG

	TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG	C. ĐÁNH GIÁ VIỆC PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ THAM NHŨNG	C.1. Việc phát hiện hành vi tham những	C.1.1. Kết quả phát hiện hành vi tham những qua kiểm tra, thanh tra, giám sát	C.1.2. Kết quả phát hiện hành vi tham những qua phản ánh,tổ cáo	C.1.3. Kết quả phát hiện hành vi tham những qua điều tra, truy tổ, xét xử	C.2. Việc xử lý tham những	C.2.1. Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức, cá nhân do dễ xảy ra TN	C.2.2. Kết quả xử lý hình sự người có hành vi tham những	C.2.3. Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào mức độ của vụ việc tham những.	C.3. Kết quả xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN	C.3.1. Kết quả xử lý vi phạm trong thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức đơn vị	C.3.2. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	C.3.3. Kết quả xử lý vi phạm quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị	C.3.4. Kết quả xử lý vi phạm quy định về xung đột lợi ích	C.3.5. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác	C.3.6. Kết quả xử lý vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham những	C.3.7. Kết quả xử lý hành vi vi phạm đối với người kê khai TSTN	C.3.8. Kết quả xử lý hành vi vi phạm khác trong kiểm soát TSTN
TT	Thang điểm	40.00	12.00	3.00	2.00	7.00	20.00	5.00	7.50	7.50	8.00	1.00	1.00	1.00	1.00	1.00	1.00	1.00	1.00
1	Thành phố Hồ Chí Minh	32.65	8.09	1.20	0.50	6.39	19.56	5.00	7.06	7.50	5.00	-	1.00	1.00	1.00	1.00	-	1.00	-
2	Thanh Hóa	32.40	12.00	3.00	2.00	7.00	17.40	5.00	5.90	6.50	3.00	1.00	1.00		1.00				
3	Hưng Yên	32.00	12.00	3.00	2.00	7.00	20.00	5.00	7.50	7.50	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Quảng Ninh	31.90	7.00	-	-	7.00	19.90	5.00	7.40	7.50	5.00	1.00	1.00	1.00	1.00	-	-	-	1.00
5	Hải Phòng	31.74	9.49	2.00	0.88	6.61	15.25	3.75	7.50	4.00	7.00	1.00	1.00	1.00	1.00	1.00	-	1.00	1.00
6	Quảng Ngãi	29.94	8.91	0.06	1.85	7.00	19.03	5.00	6.53	7.50	2.00	-	1.00	-	-	1.00	-	-	-
7	Bến Tre	29.90	8.09	1.06	0.03	7.00	17.81	2.81	7.50	7.50	4.00	1.00	1.00	1.00	1.00	-	-	-	-
8	Hòa Bình	29.63	7.00	-	-	7.00	18.63	5.00	6.13	7.50	4.00	1.00	1.00	1.00	-	-	-	1.00	-

9	Đồng Nai	28.98	7.00	-	-	7.00	16.98	2.30	7.18	7.50	5.00	-	-	1.00	1.00	1.00	-	1.00	1.00
10	Khánh Hòa	28.40	6.68	0.01	-	6.67	16.72	5.00	6.72	5.00	5.00	-	1.00	1.00	1.00	1.00	-	1.00	-
11	Bà Rịa - Vũng Tàu	28.18	6.84	0.54	-	6.30	19.34	5.00	6.84	7.50	2.00	-	1.00	1.00	-	-	-	-	-
12	Quảng Nam	27.95	9.02	0.02	2.00	7.00	15.00	2.50	7.50	5.00	3.93	1.00	0.93	1.00	1.00	-	-	-	-
13	Hà Nội	27.79	4.03	0.02	0.00	4.01	18.76	5.00	6.26	7.50	5.00	1.00	1.00	1.00	1.00	1.00	-	-	-
14	Thái Nguyên	27.73	8.73	0.08	1.65	7.00	16.00	3.50	7.50	5.00	3.00	-	1.00	1.00	1.00	-	-	-	-
15	Hà Giang	27.58	7.00	-	-	7.00	18.58	4.83	6.25	7.50	2.00			1.00	-	-	-	1.00	-
16	Hải Dương	27.36	10.50	1.50	2.00	7.00	15.86	2.50	5.86	7.50	1.00	-	-	-	-	-	-	1.00	-
17	Nghệ An	27.25	6.56	0,01	-	6.56	17.69	5.00	6.80	5.89	3.00	-	1.00	1.00	1.00	-	-	-	-
18	Nam Định	26.05	9.02	0.02	2.00	7.00	17.03	2.03	7.50	7.50	-	-	-	-	-	-	-	-	-
19	Cần Thơ	25.52	5.84	0.66	0.31	4.87	19.68	5.00	7.18	7.50	-	-	-	-	-	-	-	-	-
20	Hà Tĩnh	25.30	7.30	0.27	0.03	7.00	15.00	5.00	7.50	2.50	3.00	1.00	1.00	1.00					
21	Kiên Giang	24.88	10.02	1.02	2.00	7.00	10.86	5.00	5.86	-	4.00	-	1.00	1.00	1.00	-	-	1.00	-
22	Lai Châu	24.83	7.09	-	0.09	7.00	15.74	3.86	6.88	5.00	2.00	-	1.00	1.00	-	-	-	-	-
23	Bắc Kạn	24.00	11.00	2.00	2.00	7.00	12.00	2.00	7.50	2.50	1.00	-	-	-	1.00	-	-	-	-
24	Thành phố Huế	23.95	7.01	0.01	-	7.00	14.94	5.00	4.94	5.00	2.00	-	1.00	1.00	-	-	-	-	-
25	Sóc Trăng	23.65	6.14	0.04	1.00	5.10	13.01	3.75	6.76	2.50	4.50	-	0.50	1.00	1.00	-	1.00	-	1.00
26	Vĩnh Phúc	23.63	3.96	0.01	0.54	3.41	16.67	5.00	6.67	5.00	3.00	1.00	1.00	1.00	-	-	-	-	-
27	Cà Mau	23.63	4.68	0.01	0.01	4.66	12.95	2.50	5.45	5.00	6.00	-	1.00	1.00	1.00	1.00	-	1.00	1.00
28	Tiền Giang	23.26	7.26	0.16	0.10	7.00	15.00	5.00	7.50	2.50	1.00	1.00	-	-	-	-	-	-	-
29	Sơn La	23.10	7.06	0.21	-	6.85	14.04	2.50	6.54	5.00	2.00	-	1.00	1.00	-	-	-	-	-
30	Lạng Sơn	23.07	7.14	0.14	-	7.00	12.93	1.42	5.26	6.25	3.00	1.00	1.00	1.00	-	-	-	-	-
31	Ninh Thuận	23.00	10.00	1.00	2.00	7.00	10.00	2.50	7.50	-	3.00	1.00	1.00	1.00	-	-	-	-	-
32	Yên Bái	22.53	9.00	-	2.00	7.00	11.53	2.50	6.53	2.50	2.00	-	1.00	1.00	-	-	-	-	-
33	Bắc Ninh	22.39	7.05	0.02	0.03	7.00	14.34	5.00	6.84	2.50	1.00	-	-	1.00	-	-	-	-	-
34	Đắk Nông	22.37	5.62	0.12	-	5.50	13.75	3.75	7.50	2.50	3.00	-	1.00	-	1.00	1.00	-	-	-
35	Trà Vinh	22.22	6.20	0.00	2.00	4.20	12.02	1.25	5.77	5.00	4.00	1.00	1.00	1.00	1.00	-	-	-	-
36	Quảng Bình	22.20	8.00	-	1.00	7.00	11.20	5.00	6.20	-	3.00	-	-	1.00	-	-	-	1.00	1.00
37	Kon Tum	22.16	7.00	-	-	7.00	13.16	2.50	5.66	5.00	2.00	-	1.00	1.00	-	-	-	-	-

PHỤ LỤC 5
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VIỆC THU HỒI TIỀN, TÀI SẢN THAM NHỮNG

	<i>TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG</i>	D. ĐÁNH GIÁ VIỆC THU HỒI TÀI SẢN THAM NHỮNG	D.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham những qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh	D.1.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham những qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra	D.1.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham những qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh	D.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham những qua công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án	D.2.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham những qua công tác điều tra, truy tố, xét xử	D.2.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham những qua công tác thi hành án
TT	Thang điểm	10	5	3	2	5	2.5	2.5
1	Bắc Kạn	10.00	5.00	3.00	2.00	5.00	2.50	2.50
2	Ninh Thuận	10.00	5.00	3.00	2.00	5.00	2.50	2.50
3	Hưng Yên	9.85	5.00	3.00	2.00	4.85	2.50	2.35
4	Thái Bình	9.65	5.00	3.00	2.00	4.65	2.40	2.25
5	Lạng Sơn	9.50	5.00	3.00	2.00	4.50	2.00	2.50
6	Kiên Giang	9.46	4.76	2.76	2.00	4.70	2.20	2.50
7	Đắk Nông	9.32	4.32	2.32	2.00	5.00	2.50	2.50
8	Vĩnh Long	9.18	4.96	3.00	1.96	4.22	2.48	1.74
9	Tiền Giang	8.87	5.00	3.00	2.00	3.87	1.37	2.50
10	Hà Tĩnh	8.74	3.74	1.74	2.00	5.00	2.50	2.50
11	Bắc Ninh	8.11	5.00	3.00	2.00	3.11	1.24	1.87
12	TP. Cần Thơ	8.10	4.84	2.84	2.00	3.26	2.50	0.76
13	Sóc Trăng	8.07	3.57	1.57	2.00	4.50	2.00	2.50
14	Hậu Giang	7.97	5.00	3.00	2.00	2.97	1.26	1.71
15	Cà Mau	7.89	3.00	3.00	0.00	4.89	2.43	2.46
16	Khánh Hòa	7.63	3.00	3.00	0.00	4.63	2.19	2.44
17	Quảng Ninh	7.63	3.00	3.00	0.00	4.63	2.30	2.33
18	TP. Hồ Chí Minh	7.53	4.50	2.50	2.00	3.03	1.87	1.16
19	Nghệ An	7.14	3.00	3.00	0.00	4.14	1.72	2.42
20	TP. Hà Nội	7.13	4.40	2.40	2.00	2.73	1.10	1.63
21	Phú Yên	7.12	3.00	3.00	0.00	4.12	1.90	2.22
22	Lâm Đồng	7.05	2.87	2.87	0.00	4.18	1.69	2.49
23	Phú Thọ	7.00	2.00	0.00	2.00	5.00	2.50	2.50
24	Quảng Nam	6.99	3.00	3.00	0.00	3.99	1.49	2.50

25	Trà Vinh	6.74	4.64	3.00	1.64	2.10	2.10	0.00
26	Vĩnh Phúc	6.73	2.00	0.00	2.00	4.73	2.37	2.36
27	TP. Huế	6.71	3.00	3.00	0.00	3.71	1.27	2.44
28	Thái Nguyên	6.40	3.00	3.00	0.00	3.40	1.37	2.03
29	Gia Lai	5.83	3.00	3.00	0.00	2.83	1.92	0.91
30	An Giang	5.37	3.00	3.00	0.00	2.37	2.37	0.00
31	Long An	5.10	3.00	3.00	0.00	2.10	2.10	0.00
32	Bình Thuận	5.00	2.50	2.50	0.00	2.50	2.50	0.00
33	Đắk Lắk	5.00	0.00	0.00	0.00	5.00	2.50	2.50
34	Quảng Ngãi	5.00	0.00	0.00	0.00	5.00	2.50	2.50
35	Lai Châu	4.75	3.00	3.00	0.00	1.75	1.75	0.00
36	Ninh Bình	4.72	0.00			4.72	2.50	2.22
37	Cao Bằng	4.56	0.00	0.00	0.00	4.56	2.06	2.50
38	Hà Giang	4.50	0.00	0.00	0.00	4.50	2.07	2.43
39	Hải Dương	4.42	0.00	0.00	0.00	4.42	2.45	1.97
40	Quảng Bình	4.40	0.00	0.00	0.00	4.40	1.90	2.50
41	Bình Phước	4.19	1.32	0.00	1.32	2.87	1.20	1.67
42	Sơn La	4.17	1.00	1.00	0.00	3.17	0.91	2.26
43	Hòa Bình	4.16	0.00	0.00	0.00	4.16	2.33	1.83
44	Tuyên Quang	3.76	0.00	0.00	0.00	3.76	1.38	2.38
45	Bà Rịa - Vũng Tàu	3.63	2.00	2.00	0.00	1.63	0.00	1.63
46	Bến Tre	3.57	1.78	1.78	0.00	1.79	1.79	0.00
47	Bắc Giang	3.44	0.00	0.00	0.00	3.44	1.84	1.60
48	Kon Tum	3.34				3.34	1.95	1.39
49	Đồng Nai	3.32	0.00	0.00	0.00	3.32	0.91	2.41
50	Thanh Hóa	3.32	0.30		0.30	3.02	1.40	1.62
51	TP.Hải Phòng	3.08	2.33	2.33	0.00	0.75	0.74	0.01
52	Bình Dương	2.96	0.00	0.00	0.00	2.96	1.71	1.25
53	Bình Định	2.69	0.00	0.00	0.00	2.69	0.22	2.47
54	Đồng Tháp	2.50	0.00	0.00	0.00	2.50	2.50	0.00
55	Hà Nam	2.50	0.00	0.00	0.00	2.50	2.50	0.00
56	Tây Ninh	2.50	0.00	0.00	0.00	2.50	2.50	0.00
57	Bạc Liêu	2.44	0.21	0.21	0.00	2.23	2.09	0.14
58	Lào Cai	2.39	0.00	0.00	0.00	2.39	2.39	0.00
59	Yên Bái	2.37	0.00	0.00	0.00	2.37	2.37	0.00
60	TP.Đà Nẵng	2.36	0.00	0.00	0.00	2.36	0.22	2.14
61	Quảng Trị	2.30	0.00	0.00	0.00	2.30	2.10	0.20
62	Nam Định	2.28	0.00	0.00	0.00	2.28	0.23	2.05
63	Điện Biên	1.60	0.00	0.00	0.00	1.60	1.10	0.50

PHỤ LỤC 6
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ ĐIỂM TRỪ TRONG CÔNG TÁC PCTN NĂM 2024

	TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG	Đ. TRỪ ĐIỂM CÔNG TÁC PCTN NĂM 2024	TĐ.1. Việc chậm nộp báo cáo tự đánh giá công tác PCTN năm 2024	TĐ.2. Năm 2024, Tổ chức cấp tỉnh bị kỷ luật do để xảy ra tham nhũng, tiêu cực	TĐ.3. Năm 2024, Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cấp tỉnh bị xử lý do để xảy ra tham nhũng, tiêu cực.
TT	Thang điểm	-10	-2	-4	-4
1	Lâm Đồng	-10	-2	-4	-4
2	An Giang	-8	0	-4	-4
3	Bắc Giang	-8	0	-4	-4
4	Bắc Ninh	-8	0	-4	-4
5	Phú Thọ	-8	0	-4	-4
6	Quảng Ngãi	-8	0	-4	-4
7	Vĩnh Phúc	-8	0	-4	-4
8	Hà Giang	-6	0	-4	-2
9	Quảng Ninh	-6	0	-4	-2
10	Tuyên Quang	-6	0	-4	-2
11	Bà Rịa - Vũng Tàu	-5	-1	0	-4
12	Bến Tre	-4	0	0	-4
13	Đắk Lắk	-4	0	-3	-1
14	Gia Lai	-4	0	-4	0
15	TP. Hồ Chí Minh	-4	0	0	-4
16	Bình Thuận	-4	0	0	-4
17	Ninh Thuận	-4	0	0	-4
18	Thanh Hóa	-4	0	0	-4
19	Bình Dương	-3	0	-3	0
20	Bình Phước	-2	-2	0	0
21	Hà Nam	-2	0	0	-2
22	TP. Hải Phòng	-2	-2	0	0
23	Kon Tum	-2	-2	0	0
24	Long An	-2	0	0	-2
25	Hậu Giang	-1	-1	0	0
26	Sóc Trăng	-1	0	0	-1
27	Bắc Kạn	0	0	0	0
28	Bạc Liêu	0	0	0	0
29	Bình Định	0	0	0	0
30	Cà Mau	0	0	0	0
31	TP. Cần Thơ	0	0	0	0
32	Cao Bằng	0	0	0	0
33	Đà Nẵng	0	0	0	0
34	Đắk Nông	0	0	0	0
35	Điện Biên	0	0	0	0
36	Đồng Nai	0	0	0	0

37	Đồng Tháp	0	0	0	0
38	TP. Hà Nội	0	0	0	0
39	Hà Tĩnh	0	0	0	0
40	Hải Dương	0	0	0	0
41	Hòa Bình	0	0	0	0
42	Hưng Yên	0	0	0	0
43	Khánh Hòa	0	0	0	0
44	Kiên Giang	0	0	0	0
45	Lai Châu	0	0	0	0
46	Lạng Sơn	0	0	0	0
47	Lào Cai	0	0	0	0
48	Nam Định	0	0	0	0
49	Nghệ An	0	0	0	0
50	Ninh Bình	0	0	0	0
51	Phú Yên	0	0	0	0
52	Quảng Bình	0	0	0	0
53	Quảng Nam	0	0	0	0
54	Quảng Trị	0	0	0	0
55	Sơn La	0	0	0	0
56	Tây Ninh	0	0	0	0
57	Thái Bình	0	0	0	0
58	Thái Nguyên	0	0	0	0
59	TP. Huế	0	0	0	0
60	Tiền Giang	0	0	0	0
61	Trà Vinh	0	0	0	0
62	Vĩnh Long	0	0	0	0
63	Yên Bái	0	0	0	0